

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là hai lĩnh vực có vai trò hết sức quan trọng đối với mọi quốc gia, dân tộc. Nhận thức rõ vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của đất nước, trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta luôn quan tâm chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực quan trọng này.

Trên cơ sở nhìn lại chặng đường 30 năm đổi mới đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. Kế thừa quan điểm chỉ đạo của các nhiệm kỳ đại hội trước, Đảng đã đưa ra chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, coi đây là lĩnh vực then chốt, mang tính đột phá để hiện thực hóa mục tiêu phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nội dung quan điểm của Đại hội là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Để góp phần cung cấp tài liệu phục vụ học tập, quán triệt, tuyên truyền, giáo dục và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự xuất bản cuốn sách ***Quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội XII.***

Nội dung cuốn sách phân tích làm rõ quá trình nhận thức lý luận của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; khái quát thực trạng giáo dục và đào tạo,

khoa học và công nghệ nước nhà qua 30 năm đổi mới theo quan điểm của Đảng. Đặc biệt đã cố gắng luận giải, làm rõ nội dung quan điểm mới của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Trên cơ sở đó đề xuất định hướng học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong những năm tới.

Cuốn sách góp phần nâng cao nhận thức và năng lực tổ chức thực tiễn cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, sớm đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vào thực tiễn cuộc sống.

Tuy Nhà xuất bản và các tác giả đã rất cố gắng, nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc.

Tháng 11 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; coi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển.

Qua 30 năm đổi mới đất nước, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của nước ta đã có bước phát triển, đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, thành động lực phát triển đất nước. Nhiều hạn chế, yếu kém trong hai lĩnh vực này chậm được khắc phục.

Đại hội XII của Đảng đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực. Kế thừa và phát triển tư tưởng các kỳ đại hội trước của Đảng, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động; chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

Cùng với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ được Đại hội XII của Đảng xác định: Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp.

Cùng với việc xác định phương hướng chính, nhiệm vụ chủ yếu nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ, giải pháp gắn kết giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược.

Theo tinh thần Đại hội XII của Đảng, hai lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ, tương tác lẫn nhau. Đổi mới giáo dục, đào tạo nhằm phát triển tiềm năng, kỹ năng sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ của con người; khoa học công nghệ phải gắn bó và thông qua nguồn nhân lực được đào tạo để thâm nhập sâu vào sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Hướng đích của đổi mới giáo dục, đào tạo và phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ là phục vụ thiết thực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, trước hết là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, theo đó là chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định.

Nội dung quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII được xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới; kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, khẳng định việc bổ sung, hoàn thiện quan điểm đổi mới của Đảng trên cơ sở vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tiếp thu những thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện nước ta; xác định phương hướng, nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ nước nhà trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Để đưa quan điểm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ nhanh chóng đi vào cuộc sống đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt sâu sắc, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Vì vậy, việc nghiên cứu, quán triệt quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII có ý nghĩa rất quan trọng và cấp bách.

CHƯƠNG I

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA

I- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Quá trình nhận thức của Đảng về giáo dục và đào tạo

Từ khi đất nước giành được độc lập năm 1945 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức rõ vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đảng đã có nhiều quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và đào tạo, đã tiến hành cải cách giáo dục trong các năm 1950, 1956, 1979 và tiếp tục cải cách giáo dục qua 30 năm đổi mới đất nước. Nhờ đó, giáo dục và đào tạo ở nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Đường lối và các chính sách của Đảng về giáo dục và đào tạo được thể hiện trong các văn kiện đại hội Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đảng chỉ rõ: Tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước; phát triển giáo dục phổ thông; sắp xếp, từng bước mở rộng và hoàn chỉnh mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; phát triển rộng rãi các trường dạy nghề.

Ngày 11-1-1979, Bộ Chính trị khóa IV đã ra Nghị quyết số 14-NQ/TW “Về cải cách giáo dục” nhằm cụ thể hóa, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Nghị quyết nêu mục tiêu của cải cách giáo dục lần này là: Làm tốt việc chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ ngay từ tuổi ấu thơ cho tới lúc trưởng thành, nhằm tạo cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt Nam mới, người

lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện. Nghị quyết nêu nguyên lý cải cách giáo dục là việc học phải đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội. Nội dung chủ yếu của công tác cải cách giáo dục gồm ba mặt: cải cách cơ cấu của hệ thống giáo dục, cải cách nội dung giáo dục và cải cách phương pháp giáo dục. Nghị quyết khẳng định, hệ thống giáo dục mới của nước ta là một thể thống nhất và hoàn chỉnh, bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và đại học; mạng lưới trường, lớp tập trung và mạng lưới trường, lớp không thoát ly sản xuất và công tác. Đồng thời, nhấn mạnh biện pháp cải tiến chương trình môn học và biên soạn sách giáo khoa mới; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường học; tăng đầu tư, kiện toàn tổ chức và tăng cường công tác quản lý của ngành giáo dục; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học giáo dục.

Đây là lần đầu tiên Đảng ta có một nghị quyết chuyên đề về giáo dục sau khi nước nhà thống nhất, có nhiều vấn đề đặt ra cần cụ thể hóa bằng các chính sách, đề án để thực hiện, từ xác định mục tiêu cụ thể, sắp xếp lại cơ cấu hệ thống cho đến vấn đề biên soạn sách giáo khoa thống nhất cho các cấp học, bậc học. Nghị quyết này đặt nền móng cho cải cách giáo dục những năm 80 của thế kỷ XX. Do vậy, việc cải cách toàn diện nền giáo dục nước nhà là một việc rất cần thiết và quan trọng. Nhu cầu xây dựng một hệ thống giáo dục thống nhất là nhu cầu thực tiễn đặt ra ở nước ta.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Đảng ta xác định: Thực hiện cải cách giáo dục một cách vững chắc; hết sức coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiệm vụ trong những năm tới là triển khai cải cách giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục một cách tích cực và vững chắc theo những bước đi phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân; ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục, coi trọng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Ở miền

Nam và miền núi, đi đôi với việc nâng cao chất lượng giáo dục phải chú trọng phát triển về số lượng trường lớp, nhất là ở bậc phổ thông, đồng thời không xem nhẹ công tác bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng là Đại hội đánh dấu sự đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới giáo dục và đào tạo. Nghị quyết của Đại hội xác định: Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội. Sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Phát triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức: đào tạo và bồi dưỡng chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức. Cải tiến chế độ thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và công minh. Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề, phát triển các trung tâm dạy nghề rộng rãi cho thanh niên và nhân dân lao động. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành.

Đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn và năng lực thực hành, cần coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh. Kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chuẩn bị cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu, hiểu và làm tốt nghĩa vụ công dân.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đã xác định: Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phải được xem là quốc sách hàng đầu. Mục tiêu giáo dục và đào tạo: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Ngày 14-1-1993, Đảng ta ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HNTW “Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo”. Đây là lần đầu tiên Đảng ta ra nghị quyết về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng, toàn dân ta, nhất là đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh, sinh viên trong cả nước về việc xác định quan điểm, chủ trương, chính sách, biện pháp tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục. Nghị quyết không những chỉ ra những giải pháp cấp bách để xử lý những vấn đề thời sự nóng bỏng của công tác giáo dục và đào tạo mà còn định hướng phát triển sự nghiệp này theo cương lĩnh và chiến lược của Đảng đến sau năm 2000, nhằm chuẩn bị cho nhân dân ta, đặc biệt cho thế hệ trẻ vững bước tiến vào thế kỷ XXI. Nghị quyết đã xác định bốn quan điểm lớn đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo Việt Nam, đó là:

- Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy, là điều kiện cơ bản đảm bảo và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Phải coi đầu tư cho giáo dục là một hướng chính của đầu tư phát triển...

- Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo những con người có kiến thức văn hóa, khoa học, có kỹ năng nghề

nghiệp... Phải mở rộng quy mô, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, gắn học với hành, tài với đức.

- Giáo dục phải vừa gắn chặt với yêu cầu phát triển đất nước, vừa phù hợp với ưu thế tiến bộ của thời đại.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Những quan điểm nói trên là những tư tưởng chỉ đạo rất quan trọng cho sự phát triển giáo dục nước ta trong những năm đầu thời kỳ đổi mới. Đặc biệt, Nghị quyết đã nêu rõ tư tưởng mới hết sức quan trọng: *đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển*. Nhiều năm trước đây, đầu tư cho giáo dục được coi là đầu tư cho phúc lợi xã hội. Từ đây, đầu tư cho giáo dục được xác định là đầu tư để phát triển con người, phát triển sản xuất, phát triển xã hội. Vì vậy, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã quyết định: Tăng dần tỷ trọng chi trong ngân sách cho giáo dục và đào tạo. Huy động các nguồn đầu tư trong nhân dân, viện trợ của các tổ chức quốc tế, kể cả vay vốn của nước ngoài để phát triển giáo dục.

Nghị quyết đã xác định cụ thể các chủ trương, chính sách và biện pháp lớn để phát triển giáo dục và đào tạo và đã nhanh chóng đi vào thực tiễn. Tuy vậy, giáo dục và đào tạo nước ta còn nhiều yếu kém, bất cập cả về quy mô, cơ cấu và nhất là về chất lượng và hiệu quả; chưa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta nhấn mạnh: *cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Phương hướng chung về lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong những năm tới là phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu

công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên có việc làm; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong giáo dục và đào tạo.

Tổng kết cải cách giáo dục, xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của nhà nước về giáo dục đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình trường lớp giáo dục và đào tạo. Nâng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo. Động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người, đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới, trong và ngoài nước cho giáo dục đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo. Cuối năm 1996, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nhấn mạnh: Phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy và là một điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển; là một động lực đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Ngày 30-5-1998, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học. Sau khi đánh giá khái quát những ưu, khuyết điểm trong việc chỉ đạo công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trong các trường học, Chỉ thị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện bốn nhiệm vụ:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và công nhân viên ở các trường học.
- Xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh.

- Tích cực tạo nguồn, làm tốt công tác phát triển đảng viên trong cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên, nhất là ở những cơ sở hiện còn ít hoặc chưa có đảng viên. Phần đầu đến năm 2000 ở tất cả các trường đều có đảng viên; các trường phổ thông cơ sở, tiểu học mầm non có chi bộ hoặc tổ đảng; các trường phổ thông trung học, dạy nghề và các trường dân lập đều có chi bộ; các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học công lập có đảng bộ.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các trường học.

Ngày 28-12-2000, Bộ Chính trị khóa VIII ra Chỉ thị số 61-CT/TW “Về việc phổ cập trung học cơ sở” yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương phải nhanh chóng xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở gắn với việc đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ, với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mở cửa, hội nhập toàn cầu hóa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Củng cố và phát huy kết quả của công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; tiếp tục công việc này ở những nơi còn chưa đạt chuẩn. Có kế hoạch tiếp tục củng cố và xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng tiêu chuẩn hóa và hiện đại hóa. Có kế hoạch cụ thể củng cố, nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các trường sư phạm, đặc biệt là đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy... Mở rộng và hoàn thiện mạng lưới trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với giáo viên nói chung và giáo viên tham gia công tác phổ cập trung học cơ sở nói riêng. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động giáo dục, đặc biệt đối với việc phổ cập trung học cơ sở... Những nơi đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở cần tiếp tục củng cố, nâng cao

chất lượng, tổ chức phân luồng sau cấp học này và tùy điều kiện có thể tiến hành phổ cập bậc trung học (trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề).

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta xác định: “Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”. Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện “giáo dục cho mọi người”, “cả nước trở thành một xã hội học tập”. Thực hiện phương châm học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội... Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính”¹.

Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa IX, Đảng ta khẳng định tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về giáo dục và đào tạo. Kết luận nêu rõ, qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, nền giáo dục nước nhà có bước phát triển mới. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học ở một số tỉnh, thành phố, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến bước đầu. Sự nghiệp giáo dục ngày càng được đề cao và được toàn xã hội quan tâm.

Tuy nhiên, nền giáo dục nước ta còn đứng trước nhiều khó khăn, yếu kém, nhất là về chất lượng và quản lý nhà nước về giáo dục. Thi cử còn nặng nề. Xu hướng

thương mại hóa một số hoạt động giáo dục đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn. Cơ cấu giáo dục còn bất hợp lý, mất cân đối giữa đào tạo nghề với đại học, giữa các ngành nghề còn chênh lệch lớn giữa các vùng; nhiều nhu cầu nhân lực của nền kinh tế chưa được đáp ứng.

Kết luận nhấn mạnh tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.
- Phát triển quy mô giáo dục cả đại trà và mũi nhọn, trên cơ sở đảm bảo chất lượng và điều chỉnh cơ cấu đào tạo, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo với sử dụng.
- Thực hiện công bằng trong giáo dục.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần tập trung làm tốt các việc chủ yếu sau:

- Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục.
- Xây dựng và triển khai chương trình “xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện”.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và sắp xếp, củng cố, phát triển mạng lưới trường lớp, cơ sở giáo dục.
- Tăng cường cho đầu tư giáo dục - đào tạo.
- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, coi giáo dục là sự nghiệp của toàn dân, là một giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước khuyến khích mọi đóng góp, mọi sáng kiến của xã hội cho giáo dục.

Để cụ thể hóa việc thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 15-6-2004 “Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”, trong đó xác định mục tiêu xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa đủ về

số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất lối sống, lương tâm tay nghề của nhà giáo thông qua việc quản lý, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả sự nghiệp giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống các trường sư phạm, các trường cán bộ quản lý giáo dục; tiến hành rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đủ số lượng và cân đối về cơ cấu, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Đồng thời, đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng và hoàn thiện một số chính sách, chế độ đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ này.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta chủ trương đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó cần chú ý:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

- Chuyển dần sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

- Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khẩn trương điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải và thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông, bảo đảm tính khoa học, cơ bản, phù hợp tâm lý lứa tuổi và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Kết hợp việc tổ chức phân ban với tự chọn ở trung học phổ thông trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng từ trung học cơ sở. Bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng phổ cập giáo dục.

- Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận, huyện. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề, tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt, dạy nghề ngoài công lập, tại doanh nghiệp, tại làng nghề...; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học nghề, lập nghiệp. Tổ chức dạy nghề, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất phù hợp cho nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; nhanh chóng xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...; có cơ chế và chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, phát huy tính tích cực sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều. Hoàn thiện hệ thống

đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến nội dung và phương pháp thi, kiểm tra nhằm đánh giá đúng trình độ tiếp thu tri thức, khả năng học tập. Khắc phục những mặt yếu kém và tiêu cực trong giáo dục.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục. Huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... để mở mang giáo dục, tạo điều kiện học tập cho mọi thành viên trong xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.

- Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng cường đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện việc miễn giảm đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp đối với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo.

Ngày 5-3-2009, Bộ Chính trị khóa X đã họp và ra Thông báo Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2020 với một số điểm cơ bản như sau:

Giáo dục nước ta đã có những chuyển biến tích cực đạt được những kết quả quan trọng, về cơ bản đã thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ được chú trọng Nghị quyết Trung ương 2 và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX.

Giáo dục đã giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, chương trình và các chính sách giáo dục. Đã phát huy được những ảnh hưởng tích cực, hạn chế tiêu cực của cơ chế thị trường, chống khuynh hướng thương mại hóa trong giáo dục. Việc phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học - công nghệ có bước tiến bộ.

Tuy nhiên, giáo dục - đào tạo chưa thực sự là quốc sách hàng đầu. Việc giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống cho học sinh chưa được chú ý đúng mức có về nội dung và phương pháp, giáo dục phổ thông mới quan tâm nhiều đến “dạy chữ”, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng sống, đến “dạy người” và “dạy nghề” cho thanh thiếu niên.

Mục tiêu là phấn đấu đến năm 2020 nước ta có một nền giáo dục tiên tiến, lành mạnh, mang đậm bản sắc dân tộc, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế cần thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục sau đây:

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Tiếp tục đổi mới chương trình, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương pháp giáo dục. Tăng cường nguồn lực cho giáo dục. Bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng đã xác định đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế và phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục quốc dân.

Thực hiện chương trình làm việc toàn khóa của Trung ương, ngày 04-11-2013, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Đây là một nghị quyết đánh dấu một bước phát triển tư duy về giáo dục và đào tạo của Đảng ta. Nội dung của Nghị quyết đã đánh giá toàn diện thành tựu và hạn chế trong lĩnh vực phát triển giáo dục và đào tạo kể từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đến nay; xây dựng các quan điểm chỉ đạo; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Quan điểm chỉ đạo có vị trí, ý nghĩa quan trọng hàng đầu là: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”².

Như vậy, trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, nhận thức của Đảng ta về giáo dục và đào tạo đã có một quá trình phát triển gắn với quá trình đổi mới toàn diện của đất nước.

2. Quá trình nhận thức của Đảng về khoa học và công nghệ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đã nhấn mạnh đến đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất. Trong tình hình ấy, nước ta cần thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tạo ra động lực để giải phóng năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế hàng hóa với năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó đã chỉ rõ: Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các góc ở những mức độ khác nhau. Kinh nghiệm phát triển của các nước trên thế giới cũng như của nước ta đã chứng minh rằng, khoa học và công nghệ là bộ phận nguồn lực không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các nước đang phát triển như nước ta. Vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ, xét về phương diện phát triển kinh tế, thể hiện trên một số khía cạnh chủ yếu như: phát triển nhanh lực lượng sản xuất nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại cũng như cơ cấu lao động xã hội; nâng cao hàm lượng trí tuệ và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30-3-1991 của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới đã nêu rõ những mặt yếu kém của khoa học và công nghệ ở nước ta, do ta những nhiệm vụ quan trọng của khoa học và công nghệ trong giai đoạn cách mạng mới, những biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến sự quản lý của Nhà nước đối với khoa học và công nghệ. Đảng ta đã chỉ rõ phát triển khoa học và công nghệ là nhu cầu của nước ta nhằm đuổi kịp các nước trên thế giới bằng thực lực kinh tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định đưa nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng cơ cấu công

ng nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, tận dụng lợi thế của nước đi sau, tranh thủ công nghệ mới. Về công nghiệp, đi vào xây dựng những khu công nghệ cao, coi trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng; lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra Nghị quyết về “Định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và nhiệm vụ đến năm 2000”. Nghị quyết đã xác định rõ ba định hướng cơ bản: *Thứ nhất*, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại. Xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. *Thứ hai*, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng an ninh, nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ của đất nước. Coi trọng nghiên cứu cơ bản, làm chủ và cải tiến các công nghệ nhập từ bên ngoài tiến tới sáng tạo ngày càng nhiều công nghệ mới ở những khâu quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong thế kỷ XXI. *Thứ ba*, nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà. Đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học. Từng bước hình thành một nền khoa học và công nghệ hiện đại của đất nước có khả năng giải quyết phần lớn những vấn đề then chốt được đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Đồng thời Nghị quyết cũng định rõ những nhiệm vụ của các lĩnh vực khoa học và công nghệ cao gồm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và

công nghệ: đặc biệt là đã xác định rõ những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000.

Nghị quyết còn đặt ra yêu cầu phải sớm có Luật khoa học và công nghệ để thể chế hóa mọi mặt hoạt động khoa học và công nghệ, phải nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý khoa học, phải đầu tư thỏa đáng bước đầu dành tối thiểu 2% chi ngân sách cho khoa học và công nghệ. Thực hiện theo tinh thần Nghị quyết, năm 2000 Luật khoa học và công nghệ được ban hành. Có thể khẳng định rằng Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đã định hướng và tạo cơ sở quan trọng cho sự phát triển khoa học và công nghệ, từng bước phát huy vai trò động lực của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định, phát triển khoa học và công nghệ vừa là nền tảng, vừa là động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội đã nhận định: Thế kỷ XXI khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt, kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Muốn rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải ứng dụng tác thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại và những yếu tố của nền kinh tế tri thức. Phát triển khoa học và công nghệ phải hướng vào vực nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, xây dựng năng lực cạnh tranh, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao như công nghệ tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hóa.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và xác định nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ là đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; đổi mới nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế quốc dân; xây dựng và phát triển có trọng

điểm các ngành công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Đại hội X chỉ rõ: Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Kết hợp chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa và phát triển kinh tế tự thóc. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ: tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong từng ngành từng lĩnh vực của nền kinh tế. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ. Nhà nước tập trung đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia, phấn đấu đạt trình độ khu vực và thế giới; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ cho một số lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã ra Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 2-2-2009 “Về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng”. Trong đó, về khoa học và công nghệ, Nghị quyết xác định: Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học và công nghệ; nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các ngành các sản phẩm quan trọng. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh, giáo dục và đào tạo. Có chính sách, chế độ đãi ngộ và

điều kiện làm việc tốt hơn cho cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là cán bộ đầu ngành, có trình độ cao.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định: “Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; nâng tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng”³. Thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: nâng cao năng lực khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: “*Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu về ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ”⁴.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ra Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01-11-2012 về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Nghị quyết đã nêu ra năm quan điểm chỉ đạo:

1- Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ

quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

2- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động công tác xây dựng chiến lược kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

3- Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

4- Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới trong ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

5- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc⁵.

Nghị quyết Trung ương khóa XI có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh dấu bước phát triển tư duy lý luận của Đảng về khoa học và công nghệ qua 30 năm đổi mới đất nước.

II- THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Thực trạng giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay

Thành tựu về giáo dục và đào tạo

Đánh giá về thành tựu giáo dục và đào tạo, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Các nghị quyết của Đảng về giáo dục, đào tạo được lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đạt được những thành quả nhất định”⁶. Qua ba lần cải cách và quá trình đổi mới những năm gần đây, giáo dục và đào tạo đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về định hướng Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Trong điều kiện đất nước có nhiều khó khăn, nguồn lực còn hạn hẹp, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội với những nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã đạt những thành tựu rất có ý nghĩa.

Về tổ chức hệ thống giáo dục: “Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng... Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ”⁷. Đã xây dựng được hệ thống giáo dục và đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện rõ rệt và từng bước hiện đại hóa. Số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh, nhất là ở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, hệ thống giáo dục và đào tạo ngoài công lập góp phần đáng kể vào phát triển giáo dục và đào tạo chung

của toàn xã hội. Đã xây dựng được nền giáo dục toàn dân, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân để nâng cao được trình độ đào tạo, trình độ và kỹ năng nghề nghiệp của người lao động. Tỷ lệ sinh viên các trường đại học so với dân số, tỷ lệ cán bộ kỹ thuật đang làm việc trong các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức được nâng cao dần. Đó là một kết quả rất đáng trân trọng. Thành tựu đó cho phép và đòi hỏi chúng ta chuyển từ mô hình phát triển giáo dục chủ yếu dựa vào số lượng và quy mô hiện nay sang mô hình phát triển dựa trên chất lượng và hiệu quả. Chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ gắn hơn với thực tế, bước đầu đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Về quản lý giáo dục: “Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến”⁸. Quản lý giáo dục và đào tạo ngày càng theo hướng chuẩn hóa (chuẩn hóa: nhà trường, nhà giáo, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp) và chuyển từ quản lý tập trung quan liêu bao cấp, sang phân cấp, giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình xã hội. Nhờ tăng cường phân cấp quản lý giáo dục và quyền tự chủ mà nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo đã có những bước phát triển mới, mang lại lợi ích cho xã hội, nhất là đối với người học. Cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, phát triển nghề được ban hành, tạo môi trường thuận lợi và từng hước tháo gỡ khó khăn cho ngành giáo dục. Hình thành tổ chức chuyên trách về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo. Cải cách hành chính trong toàn ngành giáo dục được đẩy mạnh; công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư (bằng 20% tổng chi ngân sách nhà nước); cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện và có bước hiện đại hóa. Chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt mức 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo tăng nhanh, đạt chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đã được cải tiến theo

hướng tập trung nhiều hơn cho các cấp học phổ cập, các vùng khó khăn và các lĩnh vực ưu tiên trong đào tạo nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và giải quyết việc làm cho nông dân. Cơ sở vật chất nhà trường được cải thiện, nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá cho học sinh, sinh viên đã được ưu tiên đầu tư xây dựng trong những năm gần đây.

Về đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục: “Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng”⁹. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng nhanh về số lượng, dần cải thiện về chất lượng, khắc phục một phần sự thật hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục và phát triển các cấp học, các trình độ đào tạo. Số nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuẩn hóa ngày càng tăng. Tình trạng thiếu hụt giáo viên ở một số vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và ở một số môn học đặc thù đã được khắc phục cơ bản. Việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ngày càng tốt hơn, tạo điều kiện cho nhiều người có cơ hội tiếp cận các chương trình giáo dục. Cơ hội tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách; cơ bản bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo. Lực lượng lao động qua đào tạo tăng nhanh, góp phần quan trọng đưa nước ta thoát khỏi nước nghèo.

Cả nước đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đã hoàn thành mục tiêu quốc gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học (năm 2000) và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (năm 2010), đang thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đẩy mạnh thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đang thực hiện phổ cập giáo dục trung học ở một số địa phương có điều kiện. Quy mô giáo dục mầm non đang được nâng lên đã thu hút hơn 90% trẻ 5 tuổi được qua lớp mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1, tình trạng “xã trắng” về giáo dục mầm non về cơ bản đã được xóa bỏ. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên ngày

càng cao. Trong giai đoạn 2000 - 2010, tổng số nhân lực qua đào tạo ở tất cả các trình độ đã tăng gấp 3,4 lần, từ 5,9 triệu người năm 2000 lên 20,1 triệu người năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 51,6% vào năm 2015. Đội ngũ nhân lực này đã đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện thành công đường lối đổi mới của Đảng, đưa đất nước vượt ra khỏi tình trạng nước nghèo.

Nhìn chung, giáo dục và đào tạo ở nước ta cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân, cung cấp đa dạng nguồn nhân lực qua đào tạo, đáp ứng được một phần yêu cầu xã hội, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Chất lượng đào tạo được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm. Một trong những biểu hiện cho thấy chất lượng giáo dục nâng cao, đó là kết quả của các cuộc thi Olympic và thi tay nghề quốc tế. Học sinh, sinh viên Việt Nam đạt kết quả cao trong các kỳ thi quốc tế và khu vực. Nhân lực nước ta đã làm chủ được một số công nghệ hiện đại. Chất lượng giáo dục và đào tạo so với những giai đoạn trước đã có sự cải thiện rõ rệt: khả năng ngoại ngữ, khả năng tin học, khả năng ứng xử, khả năng thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau của học sinh, sinh viên ngày càng tốt hơn. Nhiều năm nay, chúng ta liên tục đạt nhiều giải vàng trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế, tay nghề quốc tế. 100% đoàn, 100% học sinh đi thi đều đoạt giải và đoạt thứ hạng rất cao. Gần đây OECD vừa công bố kết quả PISA 2015, theo đó Việt Nam nằm trong nhóm các nước có kết quả cao, thể hiện sự bứt phá giữa giáo dục so với trình độ phát triển kinh tế đất nước.

Những thành tựu và kết quả nói trên, trước hết bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của dân tộc; sự quan tâm, chăm lo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của mỗi gia đình và toàn xã hội; sự tận tụy của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sự ổn định về chính trị cùng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hạn chế về giáo dục và đào tạo

Đánh giá về hạn chế, khuyết điểm của phát triển giáo dục và đào tạo trong những năm vừa qua. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “*Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, thành động lực phát triển. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc*”¹⁰.

Chương trình giáo dục còn coi nhẹ thực hành, coi nhẹ vận dụng kiến thức, thiếu gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất, còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành, chưa chú trọng giáo dục toàn diện. Chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Giáo dục nặng về lý thuyết, hàn lâm, không gắn với thực tiễn, không gắn với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Điều này xảy ra ở cả giáo dục bậc phổ thông và cả ở đại học.

Quản lý giáo dục và đào tạo có mà còn yếu kém, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu, một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả; cơ chế, chính sách cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Đào

tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động.

Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều *nguyên nhân khách quan và chủ quan*, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu còn chậm và lúng túng. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội. Giáo dục - đào tạo nước ta chưa đóng góp được vào việc đưa nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành thế mạnh thực sự của đất nước trong quá trình hội nhập và phát triển.

Hai là, mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng. Bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp chậm được khắc phục, có mặt nghiêm trọng hơn. Tư duy bao cấp còn nặng, làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục - đào tạo.

Ba là, việc phân định giữa quản lý nhà nước với hoạt động quản trị trong các cơ sở giáo dục, đào tạo chưa rõ. Công tác quản lý chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng đúng mức. Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và gia đình chưa chặt chẽ. Nguồn lực quốc gia và khả năng của phân đông gia đình đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu.

2. Thực trạng khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay

Thành tựu về khoa học và công nghệ

Đánh giá và thành tựu khoa học và công nghệ, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Trong những năm qua, khoa học công nghệ đã có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực”¹¹. Trong những năm qua, mặc dù điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng nhờ có sự

quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ các nhà khoa học, sự cố gắng của các doanh nghiệp và nhân dân, khoa học và công nghệ nước nhà đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa học xã hội và nhân văn góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; khẳng định lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, bảo tồn các giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Lĩnh vực khoa học tự nhiên, các ngành khoa học cơ bản, khoa học và công nghệ liên ngành, khoa học mới tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Một số ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn đã có đóng góp tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng, an ninh. Việt Nam đã có bước phát triển trong nghiên cứu cơ bản, tạo tiền đề hình thành một số lĩnh vực khoa học và công nghệ đa ngành mới như vũ trụ, y sinh, nanô, hạt nhân. Hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ có chuyển biến.

Về tiềm lực khoa học và công nghệ “được nâng lên”¹¹. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã chỉ rõ: “Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ tăng bình quân 16,5%/năm, đạt khoảng 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Đầu tư xã hội cho khoa học, công nghệ tăng nhanh, ước đạt 1,3% GDP vào năm 2015. Khoa học cơ bản đã có bước phát triển”¹². Hiện nay có hai trung tâm xuất sắc là Trung tâm Toán học quốc tế và Trung tâm Vật lý quốc tế được UNESCO công nhận và bảo trợ. “Ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ có

bước tiến bộ, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, y tế, thông tin và truyền thông... Các quỹ về khoa học và công nghệ được thành lập, bước đầu đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Phát triển thị trường khoa học, công nghệ, tăng cường hoạt động kết nối cung - cầu, giá trị giao dịch công nghệ tăng bình quân 13,5%/năm. Hình thành một số mô hình gắn kết hiệu quả giữa viện, trường với doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ¹³. “Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ có đổi mới. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ có bước tiến bộ. Thị trường khoa học, công nghệ đã hình thành và bước đầu phát huy tác dụng”¹⁴.

Có thể nói trong điều kiện quy mô về tiềm lực nền kinh tế còn thấp (năm 2015, GDP nước ta đạt 193,4 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.109 USD), Việt Nam đã có những tiến bộ đáng khích lệ so với các quốc gia có quy mô kinh tế tương đồng xét về trình độ và môi trường cho phát triển khoa học và công nghệ. Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), năm 2015 chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam tăng 19 bậc, xếp thứ 52/141 quốc gia xếp hạng; chỉ số cạnh tranh toàn cầu tăng 12 bậc, xếp thứ 56/140¹⁵.

Hạn chế về khoa học và công nghệ

Đánh giá về hạn chế, khuyết điểm của khoa học và công nghệ, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “*Tuy nhiên, khoa học công nghệ chưa thực sự gắn kết và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội*”¹⁶. Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế - xã hội.

Việc huy động nguồn lực của xã hội cho khoa học và công nghệ chưa được chú trọng. Chưa có giải pháp đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp và thu hút đầu tư tư nhân cho nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng khoa học, công nghệ. Đầu tư cho

khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư chưa cao. Việc xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập còn chậm.

Về tiềm lực khoa học và công nghệ: “Tiềm lực khoa học, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu”¹⁷. So với mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ đã được xác định trong các nghị quyết của Đảng, việc xây dựng các cơ quan khoa học và công nghệ chưa hoàn thành mục tiêu xây dựng được các trung tâm khoa học lớn đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tuy có phát triển về số lượng, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, thiếu các tập thể khoa học mạnh, các viện nghiên cứu, trường đại học đẳng cấp khu vực và quốc tế, thiếu các cán bộ đầu ngành có khả năng dẫn dắt các hướng nghiên cứu mới hoặc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ quốc gia ở trình độ khu vực và quốc tế; thiếu cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang bị nghiên cứu đồng bộ. Trình độ khoa học và công nghệ nước ta nhìn chung còn tụt hậu khoảng cách xa so với thế giới, kể cả so với một số nước nhóm đầu khu vực ASEAN¹⁸.

Về cơ chế quản lý: “Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới”¹⁹. Trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, mặc dù đã có nỗ lực trong đổi mới cơ chế quản lý, nhưng còn thiếu các hướng ưu tiên phù hợp, các chính sách, giải pháp mạnh mẽ để tạo đột phá trong những lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế, vì vậy, chưa hình thành được các lĩnh vực khoa học và công nghệ mũi nhọn, đạt trình độ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh bình đẳng với khu vực và quốc tế. Việc cấu trúc chương trình, xác định nhiệm vụ, tiêu chí sàng lọc và phương thức triển khai đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế mới còn lúng túng. Nước ta còn thiếu cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tin cậy, đồng bộ về khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo; chậm hình thành hệ thống đánh giá độc lập và bộ chỉ số đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ.

Công tác quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, cơ chế tài chính còn chưa hợp lý. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý. Hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả thấp.

Những hạn chế, yếu kém của nền khoa học và công nghệ nước nhà trong những năm vừa qua có *nguyên nhân khách quan và chủ quan*, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng không nêu lại những nguyên nhân của hạn chế, yếu kém đã được nêu rõ trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI mà chỉ đánh giá khái quát những hạn chế lớn của khoa học, công nghệ. Nghị quyết Đại hội vạch rõ: “Khoa học, công nghệ chưa thực sự gắn kết và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Việc huy động nguồn lực của xã hội cho khoa học công nghệ chưa được chú trọng. Không hoàn thành mục tiêu xây dựng các trung tâm khoa học lớn đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư cho khoa học, công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao. Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm. Công tác quy hoạch phát triển khoa học, công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả thấp”²⁰.

Những thành tựu và hạn chế của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng để Đại hội XII của Đảng tổng kết, khái quát và đề ra quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn định hướng cho đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong những năm tới.

*

* *

Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực, thúc đẩy sản xuất và đời sống xã hội phát triển. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ vai trò rất quan trọng của giáo dục và của khoa học đối với sự phát triển của xã hội loài người nói chung, với mỗi quốc gia dân tộc nói riêng. Giáo dục và khoa học góp phần nâng cao nhận thức, trình độ giác ngộ, tạo nên vũ khí tinh thần sắc bén để quần chúng tự giải phóng mình và phát triển toàn diện mọi khả năng của mình. Kế thừa quan điểm có tính cách mạng sâu sắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về giáo dục và khoa học, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định mọi thành công; con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Quan điểm đó của Người trở thành cơ sở khoa học, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta trong xây dựng nền giáo dục Việt Nam nhằm đào tạo ra những con người làm chủ, phát huy cao nhất nhân tố con người, chủ thể sáng tạo trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của cả dân tộc.

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức đúng đắn và ngày càng sâu sắc về vai trò của giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ, xác định rõ vị trí, vai trò quan trọng, là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển bền vững đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước, nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đã có bước phát triển tích cực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm quốc phòng an ninh. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vẫn còn những hạn chế, bất cập.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục đề ra các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong nước, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

-
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.109.
 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013, tr.119.
 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2011, tr.218.
 4. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.78.
 5. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2012, tr.77-79.
 - 6,7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.113.
 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.113.
 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.113.
 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.113-114.

11,12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.119-229.

13,14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.229,119.

15. Xem Chu Ngọc Anh: “Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng”, Tạp chí Cộng sản, số 5, 2016, tr. 22-26.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 119.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.249.

18. Xem Chu Ngọc Anh: “Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng”, Tạp chí Cộng sản, số 5, 2016, tr. 22-26.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.119.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII

I- NỘI DUNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đại hội XII của Đảng xác định *đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo*; phát triển nguồn nhân lực là một trong những định hướng lớn để hiện thực hóa mục tiêu phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nội dung quan điểm của Đại hội XII là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng về giáo dục và đào tạo.

1. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đại hội XII của Đảng đề ra 12 nhiệm vụ tổng quát, trong đó có nhiệm vụ: “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”¹. Đây là một trong những nội dung căn bản được xác định trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương. Nội dung của Báo cáo Chính trị đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa và hội nhập quốc tế. Đây cũng là quan điểm tổng quát, bao trùm của Đảng về giáo dục và đào tạo được xác định ở tầm đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự

quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục và đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học nhằm hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

Đổi mới cả chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy, phương pháp học và thi cử, cả ở phổ thông và cả ở đại học, cả thầy và cả trò là sự thay đổi tổng thể, có hệ thống, có trước có sau, có trên có dưới, có trong có ngoài, có chính có phụ, tất cả các yếu tố, các quan hệ của ngành giáo dục và giữa ngành giáo dục với các ngành khác của đời sống xã hội.

Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội.

Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ”¹.

Quan điểm khoa học khi tiếp cận về các nguồn lực phát triển xã hội chính là nhìn rõ ở đó nguồn lực con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày nay tất yếu phải dựa vào nguồn lực con người Việt

Nam. Nguồn nhân lực chất lượng cao là vốn quý của đất nước, là sức mạnh quan trọng nhất để phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Lần đầu tiên Đảng ta nêu ra quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo phải gắn với chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Bởi lẽ phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là *đột phá chiến lược*, là yếu tố quyết định đẩy mạnh, phát triển khoa học và công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, đảm bảo cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là một bộ phận quan trọng của nguồn nhân lực quốc gia, là nguồn nhân lực đáp ứng có tiêu chí về chất lượng cao và trình độ cao, đồng thời là nguồn lực con người được đào tạo và sử dụng có chất lượng, hiệu quả cao với tổng hợp các phẩm chất về nhân cách (tâm lực), năng lực thực hành (kỹ lực) và thể lực. Những tiêu chí cơ bản của nhân lực chất lượng cao là văn hóa, văn hóa nghề nghiệp, đạo đức, nhân cách, trách nhiệm xã hội, ý thức công dân; năng lực tư duy sáng tạo; năng lực tri thức chuyên môn; năng lực thực hành; kỹ năng mềm, nhất là kỹ năng sống.

Nội dung quan điểm về phát triển nguồn nhân lực được thể hiện xuyên suốt trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và được xác định là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội. Đó là việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược là: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ.

Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 cũng xác định: “Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”². Trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá

trình sản xuất kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành. Phát triển hợp lý, hiệu quả các loại hình trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

3. Giáo dục là quốc sách hàng đầu

Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng và Nhà nước đã luôn khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của Nhà nước, được ưu tiên đi trước một bước so với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

Kế thừa những tư tưởng cơ bản của các kỳ đại hội Đảng và các nghị quyết về giáo dục và đào tạo trước đây, Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”³. Giáo dục và đào tạo là chủ trương, chính sách được quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Chính sách giáo dục và đào tạo là chính sách do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo những mục tiêu cụ thể.

Quốc sách hàng đầu là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của Nhà nước, luôn dành được sự quan tâm hàng đầu, ưu tiên đặc biệt của Nhà nước trong việc tiến hành một loạt các biện pháp và phạm vi thực hiện, nguồn ngân sách chi cho các chính sách đó.

Giáo dục và đào tạo có vai trò quan trọng trong việc xây dựng con người mới Việt Nam nói chung, trong đào tạo nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao - một trong ba đột phá chiến lược mà Đại hội XI của Đảng đã xác định để phục vụ cho sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước và hội nhập quốc tế.

Thực tế cho thấy, tất cả các nước phát triển hàng đầu trên thế giới, đều là những nước có nền giáo dục hàng đầu và có hệ thống đào tạo tiên tiến, hiện đại. Đầu tư cho giáo

dục và đào tạo ở các nước này đều ở mức cao, chẳng hạn ở Mỹ, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Xingapo...

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Vấn đề phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực là một bộ phận rất quan trọng của chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phải được ưu tiên và quan tâm thực sự.

Giáo dục và đào tạo là một trong những điều kiện tiên quyết giúp phát triển kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao chỉ số phát triển con người. Giáo dục và đào tạo không chỉ có vai trò quan trọng trên lĩnh vực sản xuất vật chất mà còn là cơ sở để hình thành nền văn hóa tinh thần của xã hội. Giáo dục và đào tạo có tác động vô cùng to lớn trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, xây dựng nền văn hóa, văn học nghệ thuật, góp phần cơ bản vào việc hình thành lối sống mới, nhân cách mới của toàn bộ xã hội.

4. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học

Kế thừa quan điểm các kỳ đại hội của Đảng, Đại hội XII tiếp tục khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn”⁴.

Nhiệm vụ của giáo dục là nâng cao trình độ hiểu biết của người dân để họ đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, đào tạo những con người có trình độ, năng lực lao động để họ có trách nhiệm phát huy năng lực lao động trong sáng tạo ra

của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Đào tạo nhân lực bao gồm đào tạo nguồn lao động, đào tạo đội ngũ chuyên gia và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước. Bồi dưỡng nhân tài để đất nước có những con người tài giỏi trên nhiều lĩnh vực là động lực quan trọng đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển bền vững. Bồi dưỡng nhân tài còn là để tạo lợi thế cạnh tranh của đất nước trên trường quốc tế.

Chuyển mạnh mô hình phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu dựa vào số lượng và quy mô, vốn là một thành quả của gọi đoạn vừa qua, sang chú trọng chất lượng và hiệu quả. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Khắc phục lối dạy học “nhồi nhét kiến thức” không chú ý đến sự phát triển tư duy, năng lực sáng tạo của người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Quan điểm này thể hiện mục tiêu đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo đảm phát huy tốt nhất tiềm năng riêng của mỗi cá nhân. Điểm mới của quan điểm này trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là đề xuất hệ thống phẩm chất và năng lực của người học với những tiêu chí rất cụ thể: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả.

Mục tiêu giáo dục theo tinh thần đổi mới là: Phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Quan điểm phát triển toàn diện đòi hỏi chú trọng phát triển cả phẩm chất và năng lực con người, có dạy chữ, dạy người, dạy nghề. Giáo dục và đào tạo phải thấm nhuần phương châm học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Giáo dục và đào tạo phải tạo ra những con người có phẩm chất, năng lực cần thiết như trung thực, nhân

văn, tự do sáng tạo, có hoài bão và lý tưởng phục vụ Tổ quốc, cộng đồng. Đồng thời phải phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm chủ bản thân, làm chủ đất nước và làm chủ xã hội; có hiểu biết và kỹ năng cơ bản để sống tốt và làm việc hiệu quả đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong muốn: Một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em.

5. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tiến bộ khoa học - công nghệ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động”⁴.

Thực tiễn sự nghiệp đổi mới toàn diện của đất nước là cơ sở của phát triển giáo dục và đào tạo. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra những yêu cầu mới ngày càng cao cho phát triển giáo dục và đào tạo. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là cơ sở cho sự phát triển cơ cấu đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới đặt ra những yêu cầu mới về đào tạo nguồn nhân lực cả về thể chất, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, trình độ làm chủ khoa học và công nghệ quân sự... để họ có thể hoàn thành trọng trách bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang phát triển, sự nghiệp giáo dục và đào tạo cần và có điều kiện để phát triển đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Cần nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào phát triển giáo dục và đào tạo; đồng thời, đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo cho phù hợp với sự phát triển khoa học và công nghệ hiện đại.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đi vào chiều sâu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang đặt ra bài toán lớn về giải quyết nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình hội nhập quốc tế cũng đang đặt ra cho nước ta những thách thức mới từ những cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động. Hơn nữa, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức của một quốc gia đang trong thời kỳ “dân số vàng”, nếu tận dụng được thời cơ sẽ tạo được bước phát triển, nếu bỏ qua sẽ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” và tụt hậu xa hơn. Do vậy, phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh quốc tế và trong nước mới.

6. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân

Điều này sẽ tạo nên sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.

“Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”⁵ là mục tiêu tổng quát của sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo nước nhà trong những năm tới. Mục tiêu này hướng đến xây dựng một nền giáo dục hiện đại, nhân văn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mở cửa hội nhập quốc tế. Đây cũng là quan điểm thâm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục mang triết lý và hướng đích nhân văn của việc học là học để làm người. Đồng thời cũng là điều mà Người hằng mong muốn: nền giáo dục mới của nước nhà phải đào tạo ra những con người mà sánh vai cùng các cường quốc năm châu, phải hướng tới đào tạo ra những thế hệ “vừa hồng vừa chuyên”, có đủ cả “đức và tài” để kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của cha anh. Thực hiện thắng lợi

mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo sẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu tổng quát phát triển đất nước do Đại hội XII của Đảng vạch ra là: *“Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*⁶.

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đòi hỏi hướng các hoạt động văn hóa giáo dục đào tạo và các hoạt động khác vào việc xây dựng con người phát triển về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật; làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người phát triển vô tư hoàn thiện nhân cách; làm cho yếu tố con người thực sự trở thành nhân tố quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát, trong quá trình thực hiện Nghị quyết cần phải cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể. Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp một. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục.

Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành,

vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020. Phấn đấu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương⁷.

Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyên đổi nghề; bảo đảm xóa mù chữ bền vững. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa.

Đối với việc dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài, có chương trình hỗ trợ tích cực việc giảng dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa Việt Nam, tạo sự gắn bó với quê hương, đồng thời xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước.

7. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Đại hội XII của Đảng khẳng định: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học*”⁸. Đây là sự tiếp tục khẳng định quan điểm của Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn cốt lõi, cấp thiết, từ tư duy, quan điểm đến mục tiêu, hệ thống, chương trình giáo dục, các chính sách, cơ chế và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Đổi mới ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo ở cả trung ương và địa phương, ở cả mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đổi mới để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của các tầng lớp nhân dân.

Đổi mới phải đảm bảo tính hệ thống, có tầm nhìn dài hạn, các giải pháp đồng bộ, khả thi, có cơ sở khoa học; vừa củng cố, phát huy các thành tựu và điển hình đổi mới, vừa kiên quyết xử lý những lệch lạc, những việc làm trái quy luật; khắc phục cơ bản những yếu kém kéo dài đang gây bức xúc trong xã hội; phát triển, nhân rộng các nhân tố tích cực và những mô hình, điển hình mới. Đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp với thực tiễn đất nước, địa phương.

Những hạn chế, thách thức của giáo dục và đào tạo hiện nay phải được nhận thức sâu sắc, phải có giải pháp hữu hiệu và lộ trình để khắc phục, vượt qua để đưa sự nghiệp

giáo dục và đào tạo nước nhà lên một tầm cao mới như mục tiêu mà Đại hội XII của Đảng đã vạch ra.

Trong triển khai công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, cần đặc biệt chú ý đến công tác chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để bảo đảm thắng lợi việc đổi mới. Quán triệt phương châm tích cực, khẩn trương nhưng không vội vàng, sơ lược: kết hợp xử lý những sai sót, yếu kém với củng cố những thành quả, thành tựu và phát triển nhân rộng những nhân tố, yếu tố mới điển hình, tiên tiến, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và bản sắc dân tộc Việt Nam.

Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo; coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục và đào tạo; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo.

Trong nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần nắm vững vấn đề trọng điểm là đổi mới chương trình, nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề. Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Dạy ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng của người học. Quan tâm dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số; dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài.

Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người. Tiếp tục đổi mới và chuẩn hóa nội dung giáo dục mầm non, chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, yêu cầu phát triển thể lực và hình thành nhân cách. Xây dựng và chuẩn hóa nội dung giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại, tinh gọn, bảo đảm chất lượng, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục tự chọn. Biên soạn sách giáo khoa, tài liệu hỗ trợ dạy và học phù hợp với từng đối tượng học, chú ý đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật.

Nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan”⁹.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tổn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở nhận thức, năng lực thực hành, ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp. Có cơ chế để tổ chức và cá nhân sử dụng lao động tham gia vào việc đánh giá chất lượng của cơ sở đào tạo.

Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo. Đánh giá kết quả đào tạo đại học theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức: đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc. Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học.

Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo ở cấp độ quốc gia, địa phương, từng cơ sở giáo dục đào tạo và đánh giá theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo.

Hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo; công khai kết quả kiểm định. Chú trọng kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ

sở ngoài công lập, các cơ sở có yếu tố nước ngoài. Xây dựng phương thức kiểm tra định giá phù hợp với các loại hình giáo dục cộng đồng.

Đổi mới cách tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế, không quá nặng về bằng cấp, trước hết là trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp và là căn cứ để định hướng phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và ngành nghề đào tạo.

8. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Nắm bắt được xu hướng của thời đại, vấn đề xây dựng xã hội học tập trở thành một nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của nền giáo dục nước nhà, đồng thời là một trong những nhiệm vụ cấp bách, quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam thành một nền kinh tế tri thức, đưa xã hội Việt Nam thành một xã hội trí tuệ, hiện đại, hội nhập thế giới. Vì vậy, “*học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập*” là một trong những quan điểm cơ bản của Đảng được tiếp tục khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Bản chất xã hội học tập là một môi trường giáo dục trong đó mọi người đều có được điều kiện, cơ hội học tập, với thiết chế giáo dục mở, mềm dẻo, linh hoạt, thích ứng với điều kiện học của từng người, từng tổ chức. Xã hội học tập là một môi trường trong đó mọi lực lượng xã hội, mọi tầng lớp xã hội đều tự giác học hành, cả xã hội trở thành một trường học lớn, mỗi người dân là một học trò với nhu cầu học luôn được đáp ứng.

Xã hội học tập là nơi đào tạo nguồn nhân lực dồi dào, đa dạng với nhiều trình độ, nhiều năng lực khác nhau, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, hội nhập quốc tế trong một thị trường lao động luôn biến đổi, phát triển dưới sự tác động của tiến bộ khoa học và công nghệ. Trong xã hội học tập, học là con đường làm tăng trưởng trí tuệ, giá trị đạo đức, tinh thần, thể chất, thẩm mỹ...; học để làm việc, để sáng tạo, để làm người, để sống tốt hơn, thích ứng với sự thay đổi của xã hội. Học trong nhà trường và học trong cuộc sống xã hội.

Đòi hỏi hệ thống giáo dục quốc dân trong xã hội học tập phải được tổ chức một cách khoa học, bảo đảm việc học tập của con người được diễn ra liên tục, dễ dàng, tiện lợi suốt đời người. Phải thay đổi về tổ chức, quản lý nội dung, chương trình, tài liệu học tập, đặc biệt là phương pháp dạy và học để thích ứng với hệ thống giáo dục trong xã hội học tập. Để đáp ứng yêu cầu xây dựng nội dung, chương trình giáo dục trong xã hội học tập, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo về nhu cầu học tập suốt đời của mọi người”¹⁰.

Hệ thống giáo dục tiếp tục cần có mô hình tổ chức linh hoạt, mềm dẻo những chương trình, nội dung dạy học theo nhu cầu của người học, lấy tự học, học từ xa làm hình thức học tập chủ đạo; việc dạy - học được tiến hành trong các cơ sở giáo dục, tổ chức theo các mục đích, yêu cầu của người học khác nhau, đa dạng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII khẳng định: “*Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập*”¹¹. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt liên thông giữa các bậc học, trình độ và các phương thức giáo dục đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, thực học, thực nghiệm, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ sở và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống

giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và dân tộc. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả, giáo dục đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.

Hệ thống giáo dục mở là hệ thống giáo dục linh hoạt, liên thông giữa yếu tố nội dung, phương pháp, phương thức, thời gian, không gắn chủ thể giáo dục của hệ thống và liên thông với môi trường bên ngoài hệ thống, bảo đảm tính sáng tạo cho việc xây dựng, tổ chức các nội dung, hình thức giáo dục; tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người; tận dụng các nguồn lực cho giáo dục và bảo đảm tính hiệu quả, phát triển bền vững của hệ thống.

Hệ thống giáo dục mở là hệ thống giáo dục tạo ra cơ hội phát triển chương trình giáo dục, tạo cơ hội học tập phù hợp cho mọi đối tượng có nhu cầu, không phân biệt lứa tuổi, trình độ học vấn và nghề nghiệp, địa vị xã hội, giới tính trong một thời gian khác nhau và không gian khác nhau. Nhờ đó, việc học tập của con người có điều kiện để thực hiện không ngừng suốt đời.

Xã hội học tập là một xã hội trong đó tất cả các tổ chức trong xã hội đều tham gia vào quá trình giáo dục, không riêng trường học. Mỗi một nhà máy, doanh nghiệp trách nhiệm chủ yếu là sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng cũng có thể và cần phải tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân và cũng có thể giáo dục cho công chúng về quá trình sản xuất, về sử dụng sản phẩm, về bảo vệ môi trường và những đóng góp của họ cho xã hội. Nhà máy xí nghiệp phải tham gia cùng nhà trường xây dựng và cải tiến chương trình giáo dục, là nơi cho học sinh, sinh viên thực hành, thực tập... Một khía cạnh khác của xã hội học tập là toàn thể công dân đều phải học tập và triệt để tận dụng các cơ hội do xã hội học tập cung cấp.

Học tập suốt đời là quá trình học tập diễn ra trong suốt cả cuộc đời, dựa trên bốn trụ cột: học để biết, học để làm việc, học để cùng nhau chung sống và học để làm người;

thông qua các phương thức giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên; đặc biệt coi trọng tự học.

Học tập suốt đời và xã hội học tập là hai vấn đề có liên quan, gắn bó chặt chẽ với nhau. Xã hội học tập là nơi mà mọi cá nhân đều theo đuổi việc học thường xuyên, học suốt đời, mọi tổ chức đều trở thành những tổ chức học tập, mọi thành phần xã hội đều tham gia và đóng góp vào việc thúc đẩy học tập và phát triển giáo dục. Học tập suốt đời và xã hội học tập là một quan điểm tổng thể, toàn diện về sự phát triển, thay đổi, hợp tác và tham gia của mỗi một cộng đồng, mỗi một quốc gia trên thế giới có sự phát triển vũ bão của khoa học - công nghệ và bùng nổ thông tin, hội nhập và toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng.

Xây dựng và phát triển hệ thống học tập suốt đời, xây dựng một xã hội học tập là chủ trương lớn của Đảng, một công việc to lớn có vai trò quan trọng nhằm phát huy nguồn lực con người, yêu cầu này đòi hỏi phải đổi mới toàn diện hệ thống giáo dục làm cho giáo dục và đào tạo không chỉ đóng kín trong nhà trường mà còn có thể tiến hành các hoạt động giáo dục - đào tạo thông qua nhiều hình thức tổ chức phong phú, linh hoạt, tổ chức đào tạo liên thông, mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người ở mọi lứa tuổi được học thường xuyên liên tục, suốt đời, đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống. Giáo dục và đào tạo được tiến hành và tiếp thu bằng nhiều cách khác nhau; xóa bỏ ngăn cách giữa các ngành học và cấp học, giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, liên thông liên kết từ giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp đến cao đẳng, đại học và sau đại học. Tổ chức có hiệu quả thực chất việc phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục theo hướng khắc phục các bất hợp lý về cơ cấu trình độ, ngành nghề và cơ cấu vùng miền, gắn nhà trường với xã hội, gắn đào tạo và nghiên cứu khoa học

và ứng dụng. Ưu tiên phát triển các trường cao đẳng kỹ thuật, công nghệ và các cơ sở giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: huy động các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời; mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Trước mắt, ổn định hệ thống giáo dục phổ thông như hiện nay. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hệ thống giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Thống nhất tên gọi các trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Tiếp tục sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu theo hướng gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học. Thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, thực hành. Hoàn thiện mô hình đại học quốc gia, đại học vùng; củng cố và phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

Đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở đào tạo. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn; đồng thời chú trọng đào tạo nghề cho nông dân, nhất là đối với những người thuộc diện thu hồi đất; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển. Trên thế giới có nhiều nền giáo dục phát triển với những thành tựu rực rỡ. Đó vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam tất yếu phải hội nhập toàn diện, trong đó có hội nhập về giáo dục - đào tạo. Cần phải chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để tận dụng được những thành tựu mới nhằm phát triển nền giáo dục nước nhà.

Xây dựng xã hội học tập là một hướng đi tất yếu của giáo dục Việt Nam. Trước yêu cầu mới của thời đại và thực tiễn của ngành giáo dục nước nhà, Việt Nam đang thực hiện quá trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Nền giáo dục được đổi mới phải chủ động tận dụng cơ hội của toàn cầu hóa, thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Nền giáo dục muốn đổi mới toàn diện phải hướng về một xã hội học tập như một quy luật tất yếu của văn hóa giáo dục nhân loại.

Đổi mới tư duy, điều chỉnh triết lý giáo dục cho phù hợp với thời đại mới - đó là *triết lý giáo dục cho mọi người*. Triết lý giáo dục cho mọi người phải được định hướng

trong toàn bộ hệ thống giáo dục, thấm nhuần từ tư tưởng chỉ đạo đến thực tiễn giáo dục, từ mục tiêu đến nội dung, phương pháp và các loại hình giáo dục.

Đổi mới *hệ thống giáo dục* và giải quyết tốt mối quan hệ giữa hệ thống giáo dục chính quy và hệ thống giáo dục phi chính quy. Hệ thống giáo dục chính quy cần giữ vai trò chủ đạo với những chuẩn mực cho cả hệ thống giáo dục quốc dân nhưng cần được mềm dẻo, linh hoạt hơn để đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho mọi người. Bên cạnh đó, cần mở rộng hệ giáo dục phi chính quy với nhiều loại hình đa dạng và trải rộng khắp các vùng miền trong cả nước.

Xây dựng văn hóa học tập cho toàn xã hội để hướng tới xây dựng một xã hội học tập, phù hợp với kinh tế tri thức. Nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời cần được mọi người nhận thức như một nhu cầu sống, một lẽ sống, tự giác và say mê học tập. Cần đổi mới, hoàn thiện chính sách, vận động, tuyên truyền trên mọi phương tiện truyền thông, làm cho mọi người thấy được lợi ích của việc học, ý thức tự giác học tập thấm sâu vào toàn thể cộng đồng, trở thành một thói quen, một nhu cầu lĩnh hội kiến thức trong toàn xã hội. Văn hóa học tập thấm sâu vào mọi tầng lớp nhân dân sẽ là nhân tố quyết định sự thành bại của việc xây dựng xã hội học tập.

9. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “*Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng*”¹⁰.

Công tác quản lý giáo dục - đào tạo là một yếu tố rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Trong công tác quản lý cần coi trọng quản lý chất lượng, thực hiện mục tiêu: “Kỷ cương nghiêm - Chất lượng thực - Hiệu quả cao” trong mọi hoạt động của ngành, từ việc dạy của thầy đến việc học của trò; từ việc

quản lý chuyên môn, nhân sự đến việc quản lý tài chính, cơ sở vật chất, từng bước khắc phục sự chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa các trường học. Đẩy mạnh phân cấp quản lý thực hiện Nghị định 115/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý dạy thêm, học thêm.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện hợp lý cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với đổi mới cơ chế tài chính. Làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý mục tiêu, chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển hệ thống kiểm định và công bố công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo; tổ chức xếp hạng cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường công tác thanh tra; kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: huy động các nguồn lực trong xã hội, phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời; mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương. Phân định công tác quản lý nhà nước với quản trị của cơ sở giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là về chương trình, nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài tại Việt Nam. Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo. Các cơ quan quản lý giáo dục,

đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra. Xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước. Hoàn thiện cơ chế quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam; quản lý học sinh, sinh viên Việt Nam đi học nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước và theo hiệp định nhà nước. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường. Thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

10. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là một nhiệm vụ quan trọng được Đảng ta xác định từ các đại hội trước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: Cùng với đổi mới cơ chế quản lý phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt của đổi mới văn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI đề ra yêu cầu: Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Kế thừa và phát triển quan điểm của các đại hội trước, Đại hội XII của Đảng khẳng định: *“Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu*

đổi mới giáo dục và đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo”¹¹.

Khắc phục tình trạng phân tán các cơ sở đào tạo nhà giáo, tập trung xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; điều phối hệ thống trường sư phạm theo mục tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên phạm vi cả nước.

Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người thực sự có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm. Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm đạo đức nhà giáo và năng lực nghề nghiệp.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Đặc biệt coi trọng việc hình thành và phát triển đội ngũ: đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp; mẫu mực, chuyên môn giỏi, phong cách tốt, tâm huyết và trách nhiệm với nghề. Đối với cán bộ quản lý giáo dục, phải lựa chọn được những người vừa công tâm, vừa có kiến thức và tinh thần trách nhiệm cao, những yếu tố tạo nên bản lĩnh của người cán bộ quản lý.

Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

Phát triển hệ thống trường sư phạm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo. Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có phẩm chất năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Có chế độ ưu đãi và quy định tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao, có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Lương và các chính sách khác là một trong những yếu tố chính tạo động lực cống hiến và đãi ngộ giáo dục của đội ngũ nhà giáo. Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có chính sách hỗ trợ đảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học. Bảo đảm bình đẳng giữa nhà giáo trường công lập và nhà giáo trường ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ... Tạo điều kiện để chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước.

Triển khai các giải pháp, mô hình liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học với các tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các viện nghiên cứu.

11. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Khắc phục tình trạng đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả; chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, Đại hội XII của Đảng chỉ ra: *“Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo”*¹². Đây là một giải pháp cơ bản nhằm khắc phục tình trạng yếu kém nói trên.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách. Từng bước bảo đảm đủ kinh phí hoạt động chuyên môn cho các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập. Hoàn thiện chính sách học phí.

Đối với giáo dục mầm non và phổ thông, Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở giáo dục công lập và có cơ chế hỗ trợ để bảo đảm từng bước hoàn thành mục tiêu phổ cập theo luật định. Khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị.

Đối với giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp, Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học, ngành đào tạo trọng điểm, trường đại học sư phạm. Thực hiện cơ chế đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo (không phân biệt loại hình cơ sở đào tạo),

bảo đảm chi trả tương ứng với chất lượng, phù hợp với ngành nghề và trình độ đào tạo. Minh bạch hóa các hoạt động liên danh, liên kết đào tạo, sử dụng nguồn lực công; bảo đảm sự hài hòa giữa các lợi ích với tích lũy tái đầu tư.

Đẩy mạnh xã hội hóa trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục, đào tạo. Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập. Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo. Xây dựng cơ chế chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình trường. Có cơ chế ưu đãi tín dụng cho các cơ sở giáo dục đào tạo.

Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học; có chính sách hỗ trợ để có mặt bằng xây dựng trường. Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin. Bảo đảm đến năm 2020, số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học.

Phân định rõ ngân sách chi cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học với ngân sách chi cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

thuộc hệ thống chính trị và các lực lượng vũ trang. Giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo cho phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương để xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh phong trào hiếu học. Phát huy vai trò tích cực của gia đình, đoàn thể cộng đồng dân cư góp phần làm giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học.

12. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý*”¹³. Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục.

Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số cơ sở giáo dục đại học. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

Khuyến khích thành lập Viện trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong

các cơ sở đào tạo. Hoàn thiện cơ chế đặt hàng và giao kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập.

Ưu tiên nguồn lực, tập trung đầu tư và có cơ chế đặc biệt để phát triển một số trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực sớm đạt trình độ khu vực và quốc tế, đủ năng lực hợp tác và cạnh tranh với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu hàng đầu thế giới.

Chủ động hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa và thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại. Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo.

Tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học cơ bản và khoa học mũi nhọn, đặc thù. Khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo.

Có cơ chế khuyến khích tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế.

Có chính sách hỗ trợ, quản lý việc học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên Việt Nam đang học ở nước ngoài và tại các cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

Đây là những nhiệm vụ, giải pháp chung áp dụng cho phát triển toàn bộ nền giáo dục và đào tạo của đất nước ở tầm vĩ mô. Đi vào mỗi lĩnh vực cụ thể, mỗi cấp, mỗi ngành

làm công tác giáo dục và đào tạo cần cụ thể hóa các nhiệm vụ và lựa chọn các giải pháp cho phù hợp với cấp ngành và địa phương mình.

Các cấp, các ngành cần phải xây dựng chương trình hành động cụ thể, thiết thực và phải kiên quyết thực hiện quan điểm Đại hội XII của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo. Trong các chương trình hành động, cần có các nội dung biện pháp cụ thể, các tổ chức, lực lượng thực thi, các điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất bảo đảm; và phải có lộ trình, bước đi thích hợp.

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo trong hệ thống chính trị, ngành giáo dục và đào tạo và toàn xã hội, tạo sự đồng thuận cao. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình. Đổi mới công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục. Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Bảo đảm các trường học có chi bộ; các trường đại học có đảng bộ. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục, đào tạo phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường. Các bộ, ban, ngành địa phương xây dựng quy hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ. Trên cơ sở đó, đặt hàng và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức thực hiện. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm các hiện tượng

tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Chỉ có trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và vai trò của toàn dân, sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo mới có thể thành công, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II- NỘI DUNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội

Trong Báo cáo Chính trị, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2010 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, nội dung về “Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ” được trình bày độc lập như các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội... Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng kế thừa những nội dung vẫn còn nguyên giá trị trong Văn kiện Đại hội XI; tiếp thu, chọn lọc những nội dung cốt lõi của các nghị quyết Trung ương khóa XI, nâng lên tầm văn kiện. Trình bày phương hướng, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh các quan điểm chỉ đạo phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong những năm tới, trong đó quan điểm có ý nghĩa chỉ đạo xuyên suốt bao trùm là: *Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội.*

Đại hội XII chỉ rõ: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh”¹⁴.

Đây là một trong những quan điểm thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về khoa học và công nghệ được đúc kết từ thực tiễn 30 năm đổi mới đất nước. Quan điểm này là sự nhận thức đúng đắn và sâu sắc của Đảng về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm coi khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng an ninh được khẳng định nhất quán trong nhiều văn kiện hội nghị Trung ương, văn kiện đại hội Đảng từ Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu phải coi khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Điều cần thống nhất nhận thức ở đây chính là tinh thần thực tiễn, triệt để trong nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đối với sự phát triển nền khoa học nước nhà. Coi khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh không chỉ dừng lại trong nhận thức, dừng lại ở quan điểm chỉ đạo mà phải được chuyển thành quyết tâm chính trị, thành mục tiêu phát triển, làm chủ và ứng dụng được thành tựu của khoa học và công nghệ vào cuộc sống, trước hết vào nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, nâng cao sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế nước nhà.

Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh phải coi khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu trước hết là xuất phát từ thực trạng nhận thức và thực tiễn phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ở nước ta trong những năm vừa qua. Thực tiễn cho thấy bên cạnh những thành tựu của khoa học và công nghệ đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, thì điểm hạn chế, yếu kém nhất như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra là khoa học, công nghệ chưa thực sự gắn kết và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, Đại hội XII tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh vai trò quốc sách hàng đầu, động lực phát triển của khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI đã nêu ra năm quan điểm chỉ đạo để định hướng phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, quan điểm thứ nhất nêu rõ: Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Khoa học và công nghệ là *quốc sách hàng đầu* có nghĩa là chủ trương, chính sách phát triển đất nước, phát triển kinh tế - xã hội cũng như bảo vệ Tổ quốc đều phải dựa vào khoa học và công nghệ và thực hiện bằng khoa học công nghệ. Chỉ có phát triển khoa học công nghệ, chúng ta mới phát triển được kinh tế - xã hội, giữ vững được độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Để khoa học và công nghệ nhanh chóng phát huy được vai trò là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà nước cần có chính sách quan tâm đặc biệt đến phát triển khoa học và công nghệ, coi đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư phát triển; ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực; tạo

động lực vật chất và tinh thần mạnh mẽ cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, trọng dụng và tôn vinh nhân tài. Đảng và Nhà nước cần dành ưu tiên cao nhất cho phát triển khoa học công nghệ trên các mặt chính sách, ngân sách và cán bộ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh khoa học và công nghệ.

Quan điểm coi khoa học và công nghệ có vị trí, vai trò là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội là kết quả của quá trình nhận thức, phát triển tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng, nhất là qua 30 năm thực hiện đường lối đổi mới.

Vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ một mặt thể hiện ở chỗ khoa học và công nghệ có liên quan trực tiếp đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội và ngày càng trở thành động lực quan trọng trong phát triển của xã hội, đặc biệt đối với lĩnh vực sản xuất vật chất; mặt khác thể hiện ở tự nhận thức ngày càng đầy đủ và sâu sắc của con người về vai trò ngày càng tăng của khoa học để thực sự xác định đó là quốc sách. Xã hội càng văn minh thì trí tuệ con người càng trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển. Trí tuệ con người được kết tinh trong hệ thống các tri thức khoa học và trình độ sản xuất vật chất tự tích hợp trên các trình độ công nghệ; mỗi bước tiến của nền văn minh là một bước khoa học và công nghệ gắn bó chặt chẽ với nhau và chuyển hoá lẫn nhau. Hơn thế, sự gắn kết không tách rời giữa khoa học với công nghệ không chỉ dừng lại ở lĩnh vực sản xuất vật chất mà còn lan tỏa đến mọi bình diện phát triển của đời sống xã hội. Ngày nay, không có quốc gia dân tộc nào có thể tính đến sự phát triển mà đứng ngoài sự phát triển của khoa học và công nghệ. Khoa học và công nghệ ăn sâu vào từng tế bào xã hội, mọi ngõ ngách của cộng đồng, trở thành một phần tất yếu của đời sống con người. Vai trò của khoa học và công nghệ, do đó, chỉ được khẳng định và xác định thỏa đáng khi được coi là quốc sách của sự phát triển. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, khi mọi thành tựu khoa học công nghệ ngay lập tức tác động đến một quốc gia dân

tộc và ngay lập tức có thể ứng dụng vào đời sống thì mà sự thờ ơ với khoa học có thể dẫn tới tụt hậu. Do vậy, việc xác định “phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu” trở thành định hướng xuyên suốt và cơ bản hàng đầu trong hệ thống quan điểm của Đảng ta.

Trên cơ sở khẳng định khái quát về lý luận, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức. Đây là nhận thức xác đáng xuất phát từ nhu cầu hàng đầu của phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta chính là tập trung phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và phát triển kinh tế tri thức. Phát triển lực lượng sản xuất xét đến cùng là tác động vào nhân tố động nhất, cách mạng nhất trong hệ thống các nhân tố hợp thành của kinh tế - đó là một định đề tất yếu mà lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử đã khái quát. Trong điều kiện của nước ta hiện nay, việc giải bài toán tuần tự - đi tắt đón đầu trước thời cơ mở cửa, hội nhập đã cho phép đồng thời đòi hỏi cấp thiết phải tính đến phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Song, để làm chủ được điều đó thì nhất thiết phải có trình độ phát triển khoa học và công nghệ tương ứng. Trong điều kiện toàn cầu hóa, vấn đề chuyển giao công nghệ tiên tiến đem lại lợi ích chung cho tất cả các bên đối tác, song chỉ bên nào có nền khoa học và công nghệ đủ mạnh thì mới thực sự làm chủ được công nghệ tiên tiến. Hơn nữa, khi kinh tế tri thức đang trở thành một thực thể kinh tế ngày càng mạnh trên phạm vi toàn cầu thì khoa học ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đó sẽ là thời cơ cho những quốc gia giàu kho tàng trí tuệ có thể đi tắt đón đầu bằng việc phát triển kinh tế tri thức. Tiên đề không thể thiếu để phát triển kinh tế tri thức không gì khác vẫn là bằng phát triển khoa học và công nghệ, coi đó thực sự là quốc sách hàng đầu.

Đối với lĩnh vực kinh tế, cùng với vấn đề phát triển lực lượng sản xuất và kinh tế tri thức còn có vấn đề không kém phần quan trọng là vị thế toàn diện của nền kinh tế.

Đại hội XII của Đảng khẳng định nhiệm vụ quan trọng của phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay là làm cho khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng nhất để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đó là quan điểm hoàn toàn thỏa đáng. Bản thân vai trò động lực của khoa học và công nghệ đối với phát triển lực lượng sản xuất đã hàm chứa tiềm năng nâng cao năng suất lao động. Khoa học và công nghệ là động lực quan trọng trong sắp xếp lại tổ chức sản xuất, tái cơ cấu quan hệ sản xuất và các mối quan hệ giữa sản xuất với các mắt khâu khác của nền kinh tế. Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế cùng với chỉ số năng suất lao động còn có các hệ tiêu chí khác như đối tượng phục vụ, mức độ hài hòa, cân đối tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với tự điều chỉnh theo hướng bền vững. Trong điều kiện hiện đại, tất cả những chỉ số ấy chỉ trở nên hài hòa khi phát huy được vai trò động lực hàng đầu của khoa học và công nghệ. Vấn đề sức cạnh tranh của nền kinh tế là vấn đề khó giải quyết hơn cả trong điều kiện hội nhập, chỉ được giải quyết thỏa đáng khi phát huy được vai trò của khoa học và công nghệ. Có được nền khoa học tiên tiến, nắm trong tay những công nghệ hiện đại với tính ưu việt cao sẽ là lợi thế cực lớn trong cạnh tranh.

Vấn đề môi trường sinh thái đang là vấn đề chung của thời đại mang tính toàn cầu. Các quốc gia phát triển cùng với sự tính toán chiến lược cho phát triển kinh tế còn buộc phải tính đến chiến lược phát triển bền vững mà trong đó các chỉ số về môi trường sinh thái hợp thành hệ tiêu chí cứng. Mỗi bước tiến tới văn minh là một bước nảy sinh hàng loạt vấn đề nan giải như cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, rác thải công nghiệp, hoang mạc, hiệu ứng nhà kính. Vấn đề trở nên phổ biến đến mức chỉ số môi trường trở thành chỉ số hàng đầu của phát triển bền vững mà bất cứ quốc gia nào, dù ở trình độ phát triển kinh tế nào cũng không thể xem nhẹ. Đầu tư cho bảo vệ và tái tạo môi trường ngày càng chiếm dung lượng lớn trong đầu tư kinh tế, ứng xử với môi trường trở thành một lĩnh vực trực tiếp của đời sống xã hội. Chỉ có thể

giải quyết thỏa đáng vấn nạn này nhờ nền khoa học và công nghệ không những phát triển cao mà còn phải tích hợp được quan điểm nhân sinh. Vì vậy, quan điểm về phát huy vai trò của khoa học và công nghệ góp phần bảo vệ môi trường thể hiện tư duy lý luận đúng đắn của Đảng.

Một khía cạnh khác trong định hướng phát triển khoa học và công nghệ nước nhà là làm cho khoa học và công nghệ trở thành động lực hàng đầu góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với bất cứ quốc gia, dân tộc nào, đối với bất cứ lĩnh vực xã hội nào, nắm được khoa học trong tay là nắm được tương lai, là nắm được con đường phát triển nhanh, bền vững. Hoạt động quốc phòng, an ninh trong thời đại khoa học công nghệ phát triển như vũ bão không chỉ đòi hỏi sự mưu lược và lòng dũng cảm, mà còn đòi hỏi rất cao ở tư duy thực sự khoa học.

Trên thực tế, cùng với những bước phát triển rất khởi sắc của nền khoa học, công nghệ nước nhà, các khoa học về quốc phòng, an ninh cũng có sự vươn mình đáng kể với sự phát triển này càng rộng của các khoa học chuyên biệt, của đội ngũ nhà khoa học và các cơ sở nghiên cứu trong quân đội, công an.

Tuy nhiên, không thể không thừa nhận rằng, sự phát triển của các khoa học về quân sự, an ninh ở nước ta vẫn còn rất nhiều điều phải trăn trở. Điều đó đòi hỏi cần có một tầm nhìn chiến lược để xây dựng và thực hiện một chiến lược thực sự cho các khoa học về quốc phòng và an ninh. Quán triệt quan điểm của Đảng về làm cho khoa học và công nghệ trở thành động lực hàng đầu góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh chính là cốt lõi của tầm nhìn chiến lược ấy.

Ngày nay, sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước trên thế giới nhìn chung đều dựa vào khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động trên cơ sở nguồn nhân lực lao động có chất lượng cao. Đối với nước ta, sự phát triển của khoa học và công nghệ không chỉ có ý nghĩa lớn lao trong lĩnh vực sản xuất vật chất mà

còn là cơ sở để xây dựng nền văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội.

Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có vai trò to lớn trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng; xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không phải chỉ là quá trình đổi mới về khoa học và công nghệ, hiện đại hóa, thị trường hóa nền sản xuất xã hội mà còn là quá trình chuyển đổi về tâm lý, phong tục tập quán, lối sống thích ứng với nhịp độ và tốc độ của xã hội công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, mặc dù điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng nhờ có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ các nhà khoa học, sự cố gắng của các doanh nghiệp và nhân dân, khoa học và công nghệ nước ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cần khẳng định rằng, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc là do nhiều nguyên nhân, trong đó có vai trò hết sức quan trọng của khoa học và công nghệ.

Những thành tựu trên mọi mặt của đời sống xã hội mà chúng ta đạt được qua 30 năm đổi mới đất nước, ít nhiều đều có dấu ấn của khoa học và công nghệ. Có thể thấy rõ rằng, nếu không có khoa học và công nghệ thì đất nước ta khó có thể có những bước tiến vượt bậc trong quá trình phát triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

Thực tế cho thấy nhờ làm chủ được công nghệ tiên tiến mà ngành công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đã phóng thành công và đưa vào sử dụng Vệ tinh Vinasat-1, Vinasat-2. Trên lĩnh vực nông nghiệp nhờ tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mà các ngành sản xuất nông nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ;

sản lượng lúa năm 2015 đạt 45,2 triệu tấn. Xuất khẩu của khu vực nông nghiệp năm 2015 đạt 30 tỉ USD; một số mặt hàng nông sản xuất khẩu đạt thứ hạng cao trên thế giới như gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều, cá tra, tôm, sản phẩm gỗ chế biến¹⁵. Trong công nghiệp và dịch vụ, nhờ phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chúng ta đã từng bước làm chủ được công nghệ thiết kế, thi công các nhà máy thủy điện lớn; chế tạo thiết bị cơ khí thủy công và nâng hạ siêu trường, siêu trọng; giàn khoan tự nâng ở độ sâu 90m nước và 120m nước, xếp hạng thứ ba châu Á và ở top 10 nước hàng đầu thế giới về phát triển công nghệ khai thác dầu trong đá móng; làm chủ công nghệ đóng tàu, công trình ngầm, nhà cao tầng, cầu dây văng, đường cao tốc đạt tiêu chuẩn quốc tế; thành công trong ghép đa tạng và sản xuất vắc xin. Việc tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ cũng góp phần phát triển các vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, phát huy lợi thế và tiềm năng của các địa phương, cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số¹⁶.

Thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi trong nhận thức và triển khai thực hiện quan điểm Đại hội XII của Đảng về phát triển khoa học và công nghệ cần đặt nó trong mối quan hệ tổng thể với thực hiện sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XII, nhất là thực hiện có hiệu quả một trong ba khâu đột phá là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân.

2. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước

Đại hội XII của Đảng xác định: “Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp”¹⁷. Đây là nội dung có giá trị chỉ đạo sâu sắc nhận thức và hành động

của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các ngành, các cấp trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

Vấn đề này, Đảng đã sớm nhìn thấy và đã đưa vào nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đã xác định quan điểm: Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII còn nêu rõ: Trong chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động, các cấp ủy đảng cần chú trọng nội dung khoa học và công nghệ; thường xuyên kiểm tra luận cứ khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả kinh tế - xã hội của các chủ trương, chính sách, dự án phát triển thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Cũng về tinh thần này, trong Thông báo kết luận số 234-TB/TW, ngày 1-4-2009 của Bộ Chính trị khóa X kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đã kết luận: Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương và cơ sở phải thực sự coi phát triển khoa học và công nghệ là một trong những nội dung lãnh đạo chủ yếu của mình, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị then chốt của tất cả các cấp ủy đảng và chính quyền.

Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XI, khi đánh giá về tình hình phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta, Nghị quyết Hội nghị đã chỉ rõ: Hoạt động khoa học và công nghệ nhìn chung còn trầm lắng, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ chưa được chú trọng; đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao. Nghị quyết cũng đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đó trước hết là do nhiều cấp ủy đảng chính quyền nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm; chưa bố trí cán bộ lãnh đạo có đủ thẩm quyền trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học và công nghệ. Tổng kết quá trình lãnh đạo phát triển khoa học và công nghệ

nước nhà trong những năm đổi mới, Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI đã chỉ rõ, sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Quan điểm của Đại hội XII về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp cần hiểu là: Hoạt động khoa học và công nghệ không chỉ là nhiệm vụ của các nhà khoa học, các nhà quản lý khoa học mà là công việc của mọi ngành, mọi cấp, mọi người. Mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều đòi hỏi phải có nội dung khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mọi hành động phải xác định cơ sở khoa học của nó phải điều tra, nghiên cứu, tìm ra quy luật, dự báo sự phát triển, đề xuất các giải pháp phù hợp với quy luật khách quan. Các kết luận, các đánh giá phải dựa trên cơ sở khoa học. Phát triển kinh tế - xã hội dựa vào khoa học và công nghệ, phát triển khoa học và công nghệ định hướng vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, củng cố tăng cường quốc phòng và an ninh. Mọi ngành, mọi cấp phải đẩy mạnh việc triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, từ việc định hướng chiến lược phát triển, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đến việc tổ chức thực hiện. Bảo đảm sự gắn kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo; giữa khoa học và công nghệ; giữa khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật. Sự gắn kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo trước hết phải được thực hiện ngay trong các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu và phát triển; đồng thời có cơ chế khuyến khích kết hợp với biện pháp hành chính để tạo ra sự hợp tác, phối hợp giữa các tổ chức này. Sự gắn kết giữa các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và giữa khoa

học với công nghệ được thực hiện trên cơ sở những nghiên cứu liên ngành nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội tổng hợp và phát triển bền vững đất nước.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, cần phải làm thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm, nhanh chóng ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo ra các ngành nghề mới, các sản phẩm mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ không phải chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

Quan điểm về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các cấp, các ngành đã xác định rõ nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ phải được coi là một nội dung ưu tiên trong xây dựng kế hoạch đầu tư, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội của các cấp, các ngành. Nội dung của quan điểm phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cần được ưu tiên đầu tư tập trung trước một bước đòi hỏi trước hết các cấp ủy đảng, chính quyền và doanh nghiệp cần phải đổi mới, nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ. Theo đó, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần coi phát triển và đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, một bộ phận không thể thiếu của quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương; gắn mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương. Mặt khác, các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội đều phải xây dựng trên những cơ sở khoa học vững chắc, xác định rõ các giải pháp công nghệ hiện đại phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Điều đáng lưu ý là vai trò của khoa học và công nghệ và trách nhiệm của các ngành, các cấp cũng như quyền của công dân trong hoạt động nghiên cứu khoa học đã được ghi trong Hiến pháp nước ta. Một trong những nội dung quan trọng của Hiến pháp năm 2013 là những nội dung được quy định tại Chương III và các chương có liên quan về kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường. Những quy định này đã thể hiện quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước và ý nguyện của nhân dân ta về đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển bền vững. Về khoa học và công nghệ, Hiến pháp quy định mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, và cũng tiếp tục khẳng định phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quy định trách nhiệm của Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

Sự phát triển của các quốc gia dân tộc trong thời đại khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cho thấy, quốc gia nào có năng lực cạnh tranh cao sẽ có nhiều cơ hội để vượt lên, phát triển với tốc độ nhanh. Cạnh tranh giữa các quốc gia, suy cho cùng là cạnh tranh nguồn vốn tri thức, thể hiện qua chất lượng nguồn nhân lực và trình độ khoa học và công nghệ. Đại hội XII nêu rõ: “Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tăng cường liên kết, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, nhất là trong thương mại, đầu tư, nhân lực, khoa học, công nghệ”¹⁸. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động khoa học và công nghệ của Việt Nam thời gian qua còn nhiều hạn chế, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội; việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ chưa được chú

trọng đúng mức; việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và thành tựu công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập.

Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh các ngành khoa học và công nghệ có nhiệm vụ cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và triển khai đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật. Đây là quan điểm chỉ đạo mục đích hoạt động nghiên cứu, ứng dụng của các ngành khoa học nước nhà.

Trong lịch sử phát triển khoa học và công nghệ đã cho thấy, khoa học không có mục đích tự thân, khoa học ra đời từ nhu cầu của thực tiễn đời sống xã hội, trước hết là sản xuất vật chất. Vì vậy, động lực mạnh nhất của phát triển khoa học và công nghệ nước ta chính là nhu cầu của thực tiễn phát triển đất nước. Đại hội XII của Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát: *“Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*¹⁹. Các lĩnh vực khoa học và công nghệ có sứ mệnh to lớn trong việc hiện thực hóa mục tiêu tổng quát mà Đại hội XII của Đảng đã vạch ra.

Xung quanh mục tiêu tổng quát có ý kiến lo ngại chúng ta khó sớm đạt tới mục tiêu phát triển trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vì thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta hiện còn cách khá xa so với tiêu chí của một nước công nghiệp.

Trong nông nghiệp, nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nằm trong tốp dẫn đầu thế giới như gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều nhưng về lợi nhuận thu được chưa tương xứng với công sức và vốn đầu tư bởi doanh nghiệp và lao động nông nghiệp còn chưa đủ mạnh; việc áp dụng công nghệ mới vào sản xuất hầu như tự phát và theo kinh nghiệm; thiếu quy hoạch, chiến lược tổng thể. Trong sản xuất công nghiệp, tình trạng tương tự cũng diễn ra. Phần nhiều chúng ta mới thực hiện công việc lắp ráp và gia công những sản phẩm đơn giản trong chuỗi dây chuyền sản xuất hiện đại; những sản phẩm “made in Vietnam” thì công nghệ thiết bị sản xuất lạc hậu dẫn đến chi phí cao, chất lượng chưa thể cạnh tranh mạnh với sản phẩm của các nước trên thị trường.

Như vậy có thể thấy, việc phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ chưa trở thành nội dung ưu tiên đầu tư trong hoạt động của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp. Khoa học và công nghệ chưa được áp dụng rộng rãi, chưa đi sâu vào cuộc sống; nhiều nghiên cứu có giá trị trong “phòng thí nghiệm” chưa được chuyển giao ứng dụng hoặc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện; số doanh nghiệp dám “mạo hiểm” đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ chưa nhiều, việc đặt hàng sản phẩm của các trung tâm nghiên cứu cũng không có nhiều doanh nghiệp mặn mà.

Theo quan điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, việc nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ là trách nhiệm của các cấp, các ngành, trong đó việc đầu tư, quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, xây dựng các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước. Đồng thời, tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác quốc tế để trao đổi, tiếp thu tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc.

3. Phát triển khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến trong một số lĩnh vực

Mục tiêu tổng quát phát triển khoa học và công nghệ nước nhà trong những năm tới đã được Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI vạch ra: Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thật sự là động lực quan trọng nhất để

phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI cũng vạch ra mục tiêu cụ thể: Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nêu ra mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ đã được Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI xác định: “Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới”²⁰.

Việc xác định mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của Đại hội XII thể hiện sự nhất quán, kiên trì và quyết tâm chính trị của Đảng đối với sự phát triển nền khoa học nước nhà. Mục tiêu này đã khái quát và chỉ rõ ba nội dung trọng tâm về trình độ phát triển khoa học và công nghệ nước nhà. Trong đó mục tiêu *thứ nhất* là: Phát triển khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến trong một số lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Mục tiêu *thứ hai* là: Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bảo đảm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước. Xây dựng được nền tảng khoa học tự nhiên hiện đại cho khoa học và công nghệ nói chung; phấn đấu đạt trình độ hàng đầu của khu vực và thứ hạng cao trên thế giới ở

một số lĩnh vực; làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ có ảnh hưởng quyết định đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao.

Mục tiêu này chỉ rõ nội dung trọng tâm thứ hai về phát triển các lĩnh vực khoa học và công nghệ chủ yếu. Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 35% tăng trưởng kinh tế. Xây dựng được một số sản phẩm quốc gia mang thương hiệu Việt Nam. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp; tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 20%/năm; giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình khoảng 15%/năm²¹.

Nội dung này chỉ mục tiêu yếu tố năng suất tổng hợp đã được ghi trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đưa hàm lượng khoa học và công nghệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh, Nhà nước cần tiếp tục ban hành các chính sách để khuyến khích đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ.

Từ trước tới nay, hợp tác công - tư (PPP) chủ yếu được nói tới trong phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng đường sá, nhà máy phát điện hay cấp thoát nước, nhưng nay khái niệm này đã được mở rộng ra ở nhiều lĩnh vực, trong đó có khoa học, công nghệ. Với mục tiêu huy động sự tham gia của khu vực tư nhân vào thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, tụ hợp mọi nguồn lực giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ trung và dài hạn mang tính chiến lược then chốt, cốt lõi của ngành, quốc gia. Mặc dù có nhiều cách thể hiện khác nhau nhưng PPP trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ cũng có chung những tác dụng cơ bản là thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính; thu hút vốn đầu tư để xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và các nhiệm vụ mà Nhà nước đảm nhiệm; thay đổi phương thức tổ chức và quản lý để khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn, tích cực và chủ động hơn vào các chương trình, dự án công;

chia sẻ rủi ro, đặc biệt là trong nghiên cứu khoa học. Song, cũng có những nét khác biệt riêng so với PPP truyền thống do đối tượng hướng tới là những vấn đề phi vật chất.

Mục tiêu *thứ ba* là: Hình thành đồng bộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, tâm huyết, trung thực, tận tụy. Phát triển các tổ chức, tập thể khoa học và công nghệ mạnh, các nhà khoa học đầu ngành. Số cán bộ khoa học và công nghệ nghiên cứu và phát triển đạt mức 11 người trên một vạn dân; tăng nhanh số lượng các công trình được công bố quốc tế và số lượng các sáng chế được bảo hộ trong nước và ở nước ngoài. Phát triển mạnh các doanh nghiệp khoa học và công nghệ²².

Mục tiêu phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ được Đại hội XII của Đảng đề ra trên cơ sở tiếp tục khẳng định quan điểm Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI có ý nghĩa chỉ đạo cho nhận thức và thực tiễn to lớn. Đây chính là hướng đích của con đường, lộ trình, bước đi của khoa học và công nghệ nước nhà, đảm bảo cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới là cần thiết và có căn cứ khoa học xác đáng từ hiện trạng phát triển nền khoa học và công nghệ nước nhà. Với những tiền đề từ thành tựu phát triển khoa học và công nghệ đã được tích lũy từ nhiều năm trước đây, với tiềm năng con người, trực tiếp là đội ngũ cán bộ khoa học đã được đào tạo cùng với truyền thống hiếu học, lao động trí tuệ thông minh và sáng tạo của con người Việt Nam, chắc chắn việc phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu nói trên là hoàn toàn khả thi.

Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ không tách rời mà nằm trong mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ mới. Mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”²³.

Trong mục tiêu tổng quát, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ cũng như định hướng phát triển của nó, gắn rất chặt với vấn đề đổi mới cần phải đồng bộ và toàn diện, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, sớm đưa nước ta thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Khoa học và công nghệ phải hướng tới phục vụ mục tiêu này, đồng thời cũng là một thành tố của đổi mới đồng bộ và toàn diện. Trên thực tế, có nhiều lĩnh vực chưa tạo được sức phát triển bền vững không phải do chậm được đổi mới, mà là do đổi mới thiếu đồng bộ, quá trình đi sau thậm chí phá hỏng thành quả đi trước. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ cũng vậy. Sự thiếu đồng bộ giữa các ngành khoa học, giữa nghiên cứu với ứng dụng, giữa khoa học với sản xuất và đời sống đã dẫn tới tình trạng phát triển thiên lệch. Quan điểm đổi mới đồng bộ và toàn diện đòi hỏi phải có quy hoạch rõ ràng về phát triển khoa học, công nghệ gắn với sản xuất và đời sống, các công trình nghiên cứu đều cần có tính ứng dụng một cách đồng bộ.

Để thực hiện mục tiêu “phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”, rõ ràng khoa học và công nghệ phải thực sự đóng vai trò then chốt. Chỉ có thể phát triển kinh tế nhanh và bền vững khi dựa trên nền sản xuất với công nghệ tiên tiến, đồng thời bảo đảm cơ sở khoa học chặt chẽ của nó. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều

rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững”²⁴. Nhu cầu phát triển nhanh đòi hỏi phải đi tắt đón đầu, nhất là tiếp nhận công nghệ mới hiện đại. Song, để phát triển bền vững thì nhất thiết không thể nôn nóng đốt cháy giai đoạn. Nước ta có thực sự trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại được hay không phụ thuộc rất lớn vào cách giải bài toán khó này. Điều đó lại càng có ý nghĩa trong môi trường mở cửa và hội nhập quốc tế khi mà kinh tế tri thức ngày càng phát triển đi vào chiều sâu. Trong bối cảnh đó, tiến trình phát triển bền vững chỉ được bảo đảm khi được luận chứng đầy đủ cơ sở khoa học. Đại hội XII nêu ra động lực và cũng là điều kiện để đổi mới mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển nhanh và bền vững là: “Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai (R&D), nhập khẩu công nghệ mới”²⁵.

Việc đặt mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ trong tổng thể mục tiêu tổng quát đã chứng tỏ tầm quan trọng chiến lược của khoa học và công nghệ vẫn được nhất quán khẳng định với tính cách một quốc sách hàng đầu đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước. Điểm được nhấn mạnh trong mục tiêu tổng quát là công cuộc đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ nước ta nhất thiết phải gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ, vì chỉ như thế thì khoa học và công nghệ mới thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Trên thực tế, có nhiều công trình khoa học, công nghệ được triển khai nghiên cứu, kể cả đã đạt chất lượng tốt, nhưng không được xã hội hóa hoặc bởi tính ứng dụng kém, hoặc bởi đi vào những vấn đề ít gắn với thực tiễn cuộc sống đất nước đang đòi hỏi. Theo quan điểm của Đảng, có thể thấy vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất

nước là vấn đề khách quan, song nó được hiện thực hóa hay không tùy thuộc rất lớn vào thái độ, trách nhiệm và công tác triển khai hoạt động của mọi chủ thể nhằm phát huy vai trò đó.

4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động, khoa học và công nghệ

Các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ được trình bày trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng thể hiện rõ sự tiếp tục đổi mới tư duy về phát triển khoa học và công nghệ của Đảng trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới. Đại hội XII chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp cơ bản, bao trùm là: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động, khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính”²⁶*.

Trong nhiệm vụ, giải pháp phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ được Đại hội XII xác định thì việc đổi mới công tác quản lý nhà nước, đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động và cơ chế, chính sách là khâu đột phá để phát triển khoa học và công nghệ trong những năm tới. Nội dung, yêu cầu, biện pháp có tính đột phá trong giải pháp này là tập trung ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc trong công tác kế hoạch, đầu tư, tài chính, đặc biệt là cơ chế cấp phát, thanh quyết toán kinh phí cho các hoạt động khoa học và công nghệ.

Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại.

Đây là quan điểm về nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong những năm tới, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: *“Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại. Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ”²⁷*. Phát triển, nâng cao năng lực hệ

thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp.

Cùng với việc đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ là thực hiện đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính.

Vấn đề cần quan tâm là đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương; bảo đảm đồng bộ gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hằng năm. Đồng thời, cần điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; hình thành cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên, doanh nghiệp mua

công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước. Nhà nước chủ động mua kết quả khoa học và công nghệ trong trường hợp có nhu cầu. Chấm dứt và ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Thực hiện cơ chế đầu tư đặc biệt để triển khai một số dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có tác động mạnh mẽ đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia.

Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Nâng tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt trên 2% GDP vào năm 2020 và khoảng khoảng 3% GDP vào năm 2030. Tăng đầu tư của Nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ. Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao²⁸.

Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp trong nước lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; coi đây là yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp nhà nước và là hoạt động được khuyến khích đối với các doanh nghiệp khác.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại.

Đây là quan điểm về nhiệm vụ đổi mới hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ để tập trung phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nêu rõ: “Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại”²⁹. Trong quá trình quy hoạch, sắp xếp ưu tiên tập trung đầu tư phát triển một số

viện khoa học và công nghệ; khuyến khích xây dựng các viện nghiên cứu trong các trường đại học cấp quốc gia; xây dựng các viện nghiên cứu ở một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm theo mô hình tiên tiến của thế giới.

Đổi mới, quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các trường đại học, bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn. Xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại, làm hạt nhân cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ ở các lĩnh vực được ưu tiên. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Để hoàn thành mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong nhiệm kỳ tới và những năm tiếp theo, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt hướng đổi mới tổ chức vào việc tập trung phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia là vấn đề cốt lõi. Trong báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã xác định: “Có cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm theo mô hình tiên tiến và triển khai những dự án khoa học, công nghệ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh”³⁰.

Đối với việc đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ cần thực hiện triệt để cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động.

Phát triển đồng bộ thị trường khoa học, công nghệ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh đến phương hướng, nhiệm vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ: “Phát triển đồng bộ thị trường khoa học, công nghệ. Có cơ chế, chính sách phù hợp để đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ và phát triển sàn giao dịch. Tăng cường chuyển giao công nghệ, phát triển các tổ chức chuyển giao công nghệ, kết nối cung - cầu, kết nối thị trường trong nước với khu vực và thế giới gắn với bảo hộ sở hữu trí tuệ”³¹. Đồng thời, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ, hình thành các tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ là vấn đề mới, có ý nghĩa quan trọng tạo môi trường cho khoa học và công nghệ phát triển. Thị trường khoa học và công nghệ chính là nơi diễn ra các hoạt động giao dịch, mua bán các sản phẩm, các dịch vụ khoa học và công nghệ. Thị trường khoa học và công nghệ là toàn bộ các quan hệ mua bán các sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo những thể chế nhất định, gồm các quy tắc, cơ chế vận hành, các tổ chức dịch vụ thực hiện các hoạt động giao dịch, mua bán công nghệ, luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kiểu dáng công nghiệp, về mua bán, chuyển quyền, chuyển nhượng các sản phẩm khoa học, bí quyết công nghệ. Để phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đòi hỏi phải có thể chế, khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động mua bán sản phẩm khoa học và công nghệ. Nhưng đồng thời, phải có những tổ chức sáng tạo khoa học và công nghệ có quyền tự chủ, các tổ chức dịch vụ tư vấn, thẩm định, đo lường, môi giới cho các giao dịch khoa học và công nghệ, có hệ thống doanh nghiệp phát triển có nhu cầu và khả năng tiếp nhận tiến bộ khoa học và công nghệ.

Ngày nay, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, nhiều sản phẩm khoa học có thể được áp dụng ngay, trực tiếp vào sản xuất, nhưng phần lớn là phải trở thành công nghệ thì phạm vi sử dụng mới được mở rộng, phổ biến. Công nghệ theo nghĩa

chung nhất, được hiểu là tri thức thể hiện dưới dạng các giải pháp, quy trình, bí quyết dùng để biến các nguồn lực thành sản phẩm.

Ở Việt Nam, những đối tượng công nghệ mua bán, chuyển giao được quy định theo pháp luật, bao gồm: sáng chế bí quyết kỹ thuật, phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin kỹ thuật, giải pháp hợp lý hóa sản xuất. Việc mua bán, chuyển giao công nghệ ở nước ta vốn chủ yếu tập trung vào các công nghệ đã được thương mại hóa rộng rãi trên thị trường, có tính ổn định, gắn liền với thiết bị, máy móc và được thực hiện chủ yếu thông qua kênh nhập khẩu và đầu tư nước ngoài. Số lượng các công nghệ mới dưới dạng các sáng chế được mua bán còn rất ít. Chính vì vậy, Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ phát triển đồng bộ thị trường khoa học, công nghệ, đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ³².

Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; mở rộng hình thức liên kết

Để phát triển và ứng dụng khoa học vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, vấn đề liên kết nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với các tổ chức kinh tế - xã hội có ý nghĩa rất quan trọng, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông. Khuyến khích tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ”³³.

Quan điểm này là sự thể hiện nhất quán với quan điểm của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về vấn đề tăng cường liên kết trong hoạt động khoa học. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế và thực tiễn phát triển của khoa học và công nghệ. Trước nhu cầu của thực tiễn phát triển

khoa học và công nghệ nước nhà, nhất là trong điều kiện nhiều tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý khoa học cần thí điểm thực hiện cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả. Tạo điều kiện để các tổ chức khoa học và công nghệ được vay vốn từ các quỹ dành cho khoa học và công nghệ hoặc các tổ chức tín dụng.

Để việc quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ đạt hiệu quả như nhiệm vụ đã xác định, Nhà nước tập trung nguồn lực đẩy mạnh xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Tập trung đầu tư phát triển nhanh một số viện khoa học và công nghệ mà Việt Nam có truyền thống, thế mạnh như toán học, vật lý, công nghệ thông tin. Nhà nước sớm có chính sách khuyến khích xây dựng các viện nghiên cứu trong các trường đại học cấp quốc gia, trước hết trong các trường đại học trọng điểm có tiềm lực khoa học và đội ngũ cán bộ nghiên cứu giảng dạy mạnh như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và một số trường đại học quốc tế như: Đại học Việt - Đức, Đại học Việt - Anh... Bên cạnh đó, xây dựng các viện nghiên cứu ở một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng theo mô hình tiên tiến của thế giới.

Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ

Để bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ theo hướng đổi mới tổ chức hoạt động, tập trung phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nêu rõ cần phải triển khai một hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ. Đó là: “Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo,

bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi có nhiều đóng góp”³⁴. Đây là lần đầu tiên, vấn đề đào tạo bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ khoa học và công nghệ được Đại hội Đảng xác định là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Quan điểm này thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược về vai trò của nhân tố con người đối với sự phát triển khoa học và công nghệ nước nhà, về vai trò của cán bộ là gốc của mọi công việc, trong đó có công việc cao quý nhưng cũng đầy khó khăn, vất vả là lao động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định nguồn nhân lực, trước hết là cán bộ khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định đối với sự phát triển khoa học và công nghệ. Đây là tiền đề và điều kiện quan trọng để phát triển khoa học và công nghệ. Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ. Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn năm 2030.

Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các ngành, các cấp.

Có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia,

cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng. Chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học. Sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ học tập và làm việc ở nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học và công nghệ đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ý nghĩa quốc gia. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tác giả các công trình khoa học và công nghệ; có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu khoa học. Hoàn thiện hệ thống chức danh chức vụ khoa học và công nghệ. Cải tiến hệ thống giải thưởng khoa học và công nghệ, danh hiệu vinh dự nhà nước cho cán bộ khoa học và công nghệ.

Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động tư vấn, phản biện xã hội, vai trò xung kích của Đoàn Thanh niên, các tổ chức và cá nhân trong phong trào thi đua sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

Kiến toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Để phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, việc đổi mới nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ là một trong những phương hướng nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa đột phá, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XII của Đảng chỉ rõ: “Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ”³⁵.

Quan điểm trên đã kế thừa và tiếp tục khẳng định quan điểm đúng đắn của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về nâng cao năng lực bộ máy quản lý khoa học và công nghệ. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ thì việc kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ cần được tập trung thực hiện. Cùng với đổi mới bộ máy quản lý còn phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ.

Trong quá trình thực hiện kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cần triển khai đồng bộ các giải pháp tư tưởng, tổ chức, chính sách nhằm nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách; tăng cường điều phối liên ngành, liên vùng. Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở Trung ương và địa phương; gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương.

Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương. Trong đó, tăng cường phân công, phân cấp, quyền chủ động xây dựng và phê duyệt kế hoạch, quyền đề xuất phân bổ ngân sách khoa học và công nghệ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia

Trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, một nhiệm vụ, giải pháp cần thiết được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định là: “*Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia. Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia và một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm theo mô hình tiên tiến của thế giới*”³⁶. Nhất quán về quan điểm này, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 - 2020 tiếp tục nêu rõ: “Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia”³⁷. Đây cũng là một điểm mới trong quan điểm của Đảng về khoa học và công nghệ.

Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia theo mô hình tiên tiến của thế giới. Từng bước hình thành và phát triển viện hoặc trung tâm nghiên cứu tại các vùng kinh tế trọng điểm để phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Tập trung nguồn lực xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả ba khu công nghệ cao quốc gia. Quy hoạch các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Quy hoạch và phát triển các trung tâm nghiên cứu hiện đại gắn với các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành. Phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Hình thành các tập thể nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia. Phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ, tiềm năng từ các trường đại học, viện nghiên cứu để làm hạt nhân hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển. Khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện

nghiên cứu nước ngoài ở Việt Nam. Phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học và công nghệ quốc gia hiện đại. Hình thành các bảo tàng khoa học và công nghệ.

Trong phương hướng, nhiệm vụ này, việc cần quan tâm trước hết là phải phát huy thật tốt tiềm lực khoa học và công nghệ đã được quan tâm đầu tư từ những năm trước, trong đó cần tập trung nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của ba khu công nghệ cao quốc gia: Hòa Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Để tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ nước nhà, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ, giải pháp rất cần thiết phải tập trung thực hiện là: ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ³⁸. Tập trung nguồn lực để nghiên cứu, phát triển các hướng khoa học và công nghệ mũi nhọn trọng điểm và đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ cao, công nghệ mới và kỹ thuật hiện đại như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hóa vào sản xuất và đời sống. Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để tạo nguồn lực cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, Nhà nước cần vận dụng đúng đắn cơ chế thị trường để đổi mới, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước; cơ chế chính sách; xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ lớn của Nhà nước. Đồng thời, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tối đa cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong hoạt động, tổ chức bộ máy và quản lý tài chính. Để phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, cùng với việc ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực, cần tiếp tục thực hiện quan điểm Nghị quyết

Trung ương 6 khóa XI là: Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Theo đó cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc phát huy và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng cấp; kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương. Để khoa học, công nghệ nhanh chóng phát huy được vai trò là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng, Nhà nước luôn có những chính sách quan tâm đặc biệt đến phát triển khoa học, công nghệ.

Một quốc gia có tiềm lực khoa học mạnh được thể hiện trước hết ở sự phát triển của các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, cả ở khoa học kỹ thuật công nghệ và khoa học xã hội nhân văn. Sự phát triển của các khoa học cơ bản là tiền đề cho sự phát triển, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ vào thực tiễn đời sống xã hội. Do đó, trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần tăng cường nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng. Các tổ chức khoa học cần quan tâm nghiên cứu cơ bản có trọng điểm; ưu tiên một số lĩnh vực khoa học tự nhiên mà Việt Nam có lợi thế, đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng chương trình phát triển khoa học cơ bản trong một số lĩnh vực toán, vật lý, khoa học sự sống, khoa học biển. Chú trọng phát

triển một số lĩnh vực liên ngành giữa khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật và công nghệ khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển bền vững.

Khoa học xã hội và nhân văn tập trung vào nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới đất nước và dự báo xu hướng phát triển. Tiếp tục cung cấp luận cứ làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phục vụ xây dựng đường lối, chính sách phát triển và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới. Chú trọng các nghiên cứu về mô hình và chiến lược phát triển, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xu thế phát triển của xã hội, văn hóa, dân tộc, tôn giáo và con người Việt Nam; tăng cường nghiên cứu khoa học lịch sử; dự báo các xu thế phát triển của khu vực và thế giới, hội nhập quốc tế, nâng cao vai trò của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu.

Trong thời đại phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, để tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia nhất thiết cần ưu tiên đẩy mạnh triển khai phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành. Với tiềm lực khoa học và công nghệ hiện nay, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đạt trình độ quốc tế trong một số lĩnh vực có lợi thế nhằm sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về công nghệ thông tin - truyền thông.

Cùng với đó, cần phát huy và phát triển mạnh tiềm lực trong khoa học và công nghệ sinh học. Nghiên cứu và phát triển có trọng điểm các công nghệ gen, tế bào, vi sinh, enzym - protein, tin sinh học, nano sinh học; ứng dụng có hiệu quả các công nghệ này vào một số lĩnh vực chủ yếu: nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường.

Đồng thời, khoa học và công nghệ nước nhà cần chú trọng đến việc tiếp nhận và phát triển các công nghệ vật liệu mới, hiện đại, như: vật liệu điện tử và quang tử, vật liệu

nano, vật liệu y - sinh, vật liệu tiên tiến, sử dụng nguyên liệu trong nước, đặc biệt là nguyên liệu sinh học, đất hiếm, khoáng sản quý hiếm; vật liệu có tính năng đặc biệt sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng giao thông y - dược, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.

Phát triển một số công nghệ chế tạo máy và tự động hóa trọng điểm, như: công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền đồng bộ trong dầu khí, thủy điện, nhiệt điện, đóng tàu khai thác và chế biến khoáng sản. Phát triển công nghệ môi trường: xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải; ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất, kinh doanh; phát triển công nghệ tái chế chất thải.

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, việc phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ được xác định trong một thể thống nhất và có mối quan hệ gắn liền với nhau. Phát triển khoa học và công nghệ phải đồng thời đi đôi với việc ứng dụng những thành tựu, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, quản lý kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Đây là một cách tiếp cận biện chứng thể hiện tư duy lý luận đúng đắn của Đảng về khoa học và công nghệ. Theo đó, cần phải nhận thức đầy đủ và thực hiện quyết liệt việc đẩy mạnh ứng dụng phát triển khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương. Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp góp phần đưa Việt Nam trở thành nước có nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến; sản xuất và xuất khẩu hàng đầu thế giới về lúa gạo, thủy sản và sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới. Nghiên cứu công nghệ và thiết bị phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Hiện đại hóa các nhà máy nhiệt điện và thủy điện hiện có. Chuẩn bị tích cực cho việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế; tập trung ưu tiên hình thành một số chuyên khoa khám, chữa bệnh công nghệ, chất lượng cao ở các

bệnh viện quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất thuốc từ dược liệu trong nước và thuốc y học cổ truyền.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế biển, công nghệ vũ trụ phục vụ thông tin và truyền thông, nghiên cứu khoa học trái đất, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ để khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng, nhất là khu vực nông thôn, miền núi. Hình thành tại mỗi vùng một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh; hướng vào khai thác các lợi thế của vùng về các điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, hình thành các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trong quá trình hội nhập và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế cũng như yêu cầu ứng dụng chuyển giao công nghệ giữa các lĩnh vực, Nhà nước cần hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ. Đây là nhu cầu khách quan, nội tại của sự phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đồng thời cũng là điều kiện cần thiết để phát huy và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; tạo ra môi trường xã hội thuận lợi cho khoa học, công nghệ nước nhà phát triển. Có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong giao dịch, mua bán các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ y thuật khoa học và công nghệ, môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ. Đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng liên thông với hệ thống các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của các tỉnh, thành phố, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ khu vực và thế giới.

Xây dựng quy định và tiêu chí đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, chuyển nhượng, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ. Hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm. Khuyến khích thành lập tổ chức chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu.

Xây dựng bộ chỉ số thống kê, đo lường kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của các ngành và địa phương. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyên gia công nghệ, kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin về khoa học và công nghệ. Xây dựng hệ thống các giải pháp để hỗ trợ phát triển thị trường trong nước, ngăn chặn nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ lạc hậu.

6. Tăng cường hợp tác về khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “Tăng cường hợp tác về khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao phải là hướng ưu tiên trong hội nhập quốc tế”³⁹.

Nội dung của phương hướng nhiệm vụ này có điểm mới so với quan điểm Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI, đã chỉ rõ hướng ưu tiên trong hội nhập là lĩnh vực công nghệ cao, tạo ra sự biến đổi, việc sử dụng, và kiến thức về các công cụ, máy móc, kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, hệ thống, và phương pháp tổ chức, nhằm giải quyết một vấn đề đặt ra, cải tiến một giải pháp đã tồn tại, nhằm đạt một mục đích, hay thực hiện một chức năng cụ thể. Thuật ngữ công nghệ có thể được dùng theo nghĩa chung hay cho những lĩnh vực cụ thể, ví dụ như: công nghệ xây dựng, công nghệ thông tin, công nghệ giáo dục. Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương (ESCAP) đưa ra khái niệm: công nghệ là kiến thức có hệ thống về quy trình và kỹ thuật dùng để chế biến vật liệu và thông tin; công nghệ bao gồm kiến thức, kỹ năng thiết bị, phương pháp và

các hệ thống dùng trong việc tạo ra hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Định nghĩa về công nghệ của ESCAP được coi là bước phát triển mới trong quan niệm về công nghệ. Theo định nghĩa này, không chỉ sản xuất vật chất mới dùng công nghệ mà khái niệm công nghệ được mở rộng ra tất cả lĩnh vực hoạt động xã hội. ESCAP đã chỉ ra bốn thành phần cơ bản của công nghệ, gồm: kỹ thuật, con người, thông tin, tổ chức. Đồng thời ESCAP cũng nêu lên cấu tạo của công nghệ gồm phần cứng và phần mềm. Trong đó phần cứng bao gồm yếu tố đầu tiên, là những thành phần vật chất của công nghệ: còn phần mềm bao gồm các yếu tố còn lại, là những nhân tố thuộc về trí thức, trí tuệ, bí quyết, phương pháp tổ chức - quản lý.

Tuy nhiên, ranh giới giữa phần cứng và phần mềm chỉ mang tính tương đối, vì chúng ngày càng thâm nhập lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Nếu thiếu một trong bốn yếu tố trên thì hiệu suất của công nghệ chỉ đạt tối đa 30%, và ngược lại, nếu hội đủ các yếu tố trên thì hiệu suất của công nghệ đạt tối thiểu 70%.

Khái niệm công nghệ bao hàm nghĩa hẹp và nghĩa rộng: nghĩa hẹp thiên về mặt kỹ thuật, nhưng kỹ thuật chỉ là một bộ phận hợp thành của công nghệ; do đó, theo nghĩa rộng, công nghệ bao gồm tất cả các nhân tố cấu thành quy trình sản xuất (vật thể và phi vật thể) và cung cấp dịch vụ.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đưa ra khái niệm về công nghệ cao như sau: Công nghệ cao là các công nghệ có tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với quốc gia, các sản phẩm và quy trình công nghệ được đổi mới nhanh chóng, có tác động mạnh mẽ đối với sự hợp tác và cạnh tranh quốc tế trong nghiên cứu và phát triển, sản xuất và chiếm lĩnh thị trường trên quy mô thế giới. Công nghệ cao chứa đựng đầy đủ những yếu tố cấu thành và những đặc trưng bản chất của công nghệ, song với trình độ và hàm lượng tri thức, khoa học và công nghệ cao hơn, nó trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, nhất là khi đi vào phát triển kinh tế tri thức.

Ở Việt Nam, khái niệm công nghệ cao được nêu trong Luật công nghệ cao năm 2008 như sau:

“1. *Công nghệ cao* là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

2. *Hoạt động công nghệ cao* là hoạt động nghiên cứu phát triển, tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; phát triển công nghiệp công nghệ cao.

3. *Sản phẩm công nghệ cao* là sản phẩm do công nghệ cao tạo ra có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường”⁴⁰.

Theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2014 được Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố ngày 3-9-2014, trình độ công nghệ của Việt Nam xếp hạng 99/114 nước⁴¹.

Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta: “Hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ”⁴².

Tăng cường hợp tác về khoa học và công nghệ để tranh thủ nguồn lực và tri thức của các quốc gia tiên tiến; đồng thời từng bước nâng tầm năng lực và trình độ nghiên cứu trong nước để có thể tham gia hợp tác đối tác bình đẳng và cùng có lợi trong thời gian dài hạn. Trong hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ cần xác định rõ đối tác chiến lược trong hợp tác nghiên cứu chung và địa bàn trọng điểm có công

nghệ nguồn cần khai thác, chuyển giao. Triển khai hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các nước tiên tiến về khoa học và công nghệ, là đối tác chiến lược của Việt Nam. Tăng cường hợp tác giữa các trung tâm nghiên cứu trong nước với các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ nước ngoài. Nghiên cứu hình thành một số trung tâm khoa học công nghệ hiện đại có liên kết với các tổ chức khoa học tiên tiến nước ngoài. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài, nhất là tại các địa bàn trọng điểm.

Tăng cường hợp tác về khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao, phải là hướng ưu tiên trong hợp tác quốc tế. Đại hội XII chủ trương chủ động, tích cực hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ một cách sâu rộng, hiệu quả. Đẩy mạnh các chương trình hợp tác nghiên cứu, đào tạo nhân lực, hội nghị, hội thảo khoa học, công bố quốc tế, chuyển giao công nghệ, tư vấn trao đổi chính sách phát triển khoa học và công nghệ. Trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, Đại hội XII nhấn mạnh cần có chính sách thu hút nguồn lực và chuyên gia người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ để tranh thủ các đối tác quốc tế về trí thức, kinh nghiệm, thông tin khoa học, bí quyết công nghệ, đào tạo nhân lực và hỗ trợ trang thiết bị, góp phần đẩy nhanh quá trình nghiên cứu trong nước. Với việc đa dạng hóa các “kênh” hợp tác, hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ cũng đã được mở rộng và tăng cường theo nhiều mức độ khác nhau, từ hợp tác với cơ quan quản lý khoa học, công nghệ của các nước, đến các quỹ nghiên cứu khoa học, công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội khác. Các nội dung hợp tác cũng đã chủ động gắn chặt với nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ trong nước, trong đó chú trọng đến nhu cầu hợp tác quốc tế của địa phương.

Để tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cần xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư đất đai, kết cấu hạ tầng, thủ tục hành chính... để tạo đột phá trong việc thu hút các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

Quan điểm của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ thể hiện trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng ngày càng được hoàn thiện. Đây là bước phát triển theo chiều sâu, cho phép hoàn thiện những quan điểm cơ bản cũng như cụ thể hóa thành chiến lược, phương hướng, nhiệm vụ để xây dựng, phát triển nền khoa học và công nghệ nước nhà trong những năm tới xứng với vai trò quốc sách hàng đầu, và là động lực xây dựng, phát triển bền vững đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Trên đây là những quan điểm cơ bản của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được trình bày trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Ngành giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cùng với chính quyền các cấp đang khẩn trương xây dựng và triển khai chương trình hành động thực hiện quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đội ngũ các nhà giáo, nhà khoa học trong cả nước và toàn xã hội với quyết tâm chính trị cao, kết hợp chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững kinh tế - xã hội vì mục tiêu cao cả: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*

* *

Đại hội XII của Đảng xác định đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là hai trong 13 định hướng phát triển lớn để hiện thực hóa mục tiêu phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nội dung quan điểm của Đại hội là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vạch rõ quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo là: Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực bồi dưỡng nhân tài. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Điểm mới trong nội dung quan điểm có ý nghĩa chỉ đạo, định hướng cho phát triển giáo dục và đào tạo là lấy phát triển, hoàn thiện con người làm mục tiêu, động lực; xây dựng một nền giáo dục hiện đại, thực học, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng vạch rõ quan điểm coi khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Những nội dung quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần được quán triệt, tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện để nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đi vào cuộc sống.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.109.
- 2,3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.295-296, 114.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr. 114-115.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.115.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.76.
7. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.115.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.115-116.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr. 116.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr. 117.
12. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.117.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.117.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.119-120.
15. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.235.
16. Xem Chu Ngọc Anh: “Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng”, Tạp chí *Cộng sản*, số 5, 2016, tr.22-26.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.120.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.267.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.76.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.120.
21. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, 2012.
22. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, 2012.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.76.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.87.

25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.88.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.121.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.121.
28. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.121.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.298.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.276.
32. Xem GS.TS. Phùng Hữu Phú, PGS. TSKH. Nguyễn Văn Đăng, PGS.TS. Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên): *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.291-292.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.122.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.122.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.122.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.123.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.297.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.121.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr. 121.
40. Xem www.chinhphu.vn.
41. Xem GS.TS. Phùng Hữu Phú, PGS.TSKH. Nguyễn Văn Đăng, PGS.TS. Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên): *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Sđd*, tr. 63-66.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.298.

CHƯƠNG III

ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

I- ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Yêu cầu tổ chức học tập, quán triệt quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Trong Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu rõ: “Ngay sau Đại hội, tất cả các cấp ủy, tổ chức đảng cần làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về kết quả Đại hội; nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết và các văn kiện Đại hội; khẩn trương xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch hành động, khơi dậy phong trào thi đua yêu nước sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống”¹.

Sau Đại hội, Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 22-3-2016 của Bộ Chính trị về học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng đã xác định: Học tập, quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng có ý nghĩa, có tầm quan trọng đặc biệt nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng và sự đồng thuận cao trong nhân dân; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy cao

độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Đồng thời, đợt sinh hoạt chính trị này góp phần quan trọng tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong Đảng, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; thuyết phục, chấn chỉnh, uốn nắn những nhận thức lệch lạc; đấu tranh có hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch.

Để góp phần học tập, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

Thứ nhất, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII

Tiếp tục học tập, nghiên cứu, quán triệt trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân một cách sâu rộng, thiết thực. Nội dung học tập, nghiên cứu quán triệt tập trung vào những quan điểm cơ bản, tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi, những vấn đề mới của Nghị quyết Đại hội trong cả phần đánh giá, dự báo tình hình, mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu quan trọng, các nhiệm vụ và giải pháp, nhất là sáu nhiệm vụ trọng tâm trong 5 năm 2016 - 2020 nêu trong Nghị quyết Đại hội. Việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt chú trọng những nội dung liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần gắn với vận dụng sáu nhiệm vụ của đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ khoa học; tạo sự thống nhất về nhận thức và triển khai thực hiện quan điểm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Việc nghiên cứu quán triệt Nghị quyết ở các cấp do các cấp ủy, tổ chức đảng, với sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đồng thời gắn với xây dựng và tổ chức

thực hiện chương trình hành động của các ngành giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Hoàn thiện và tích cực triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII ở từng cấp cần sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức; bảo đảm để mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp đều quán triệt, nắm vững và thực hiện đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội phù hợp với diễn biến tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và hằng năm đánh giá kết quả thực hiện của địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Thứ hai, cần đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết

Cùng với tổ chức nghiên cứu quán triệt sâu sắc cho cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đảng, cần tiếp tục đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng; bảo đảm đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế đều được phổ biến, tuyên truyền về nội dung quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Các cơ quan báo chí, các phương tiện truyền thông đại chúng tiếp tục tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân và các kênh thông tin đối ngoại về các nội dung cơ bản của Nghị quyết; các đài truyền hình, phát thanh, báo điện tử cần tăng lượng tin, bài, mở các chuyên trang, chuyên mục như hỏi - đáp, trao đổi, tọa đàm, đối thoại về quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Phát huy, khai thác có hiệu quả hệ thống các thiết chế văn hóa, thông tin hiện có; đẩy mạnh tuyên truyền miệng, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XII của Đảng nói chung, quan điểm về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nói riêng.

Thứ ba, coi trọng việc thể chế hóa quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ thành hệ thống văn bản có tính pháp quy

Cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành mới hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục và đào tạo, về khoa học và công nghệ, các luật, nghị quyết của Quốc hội, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị quyết và tăng cường quản lý nhà nước, giám sát việc thực hiện trong phạm vi cả nước.

Khẩn trương sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản mới dưới luật; xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở Nghị quyết để tích cực tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII nói chung, quan điểm về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ nói riêng một cách có hiệu quả. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết và các quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Thứ tư, kiểm tra, đôn đốc việc học tập, nghiên cứu, quán triệt quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

Cần tổ chức kiểm tra chặt chẽ, nghiêm túc, hiệu quả việc học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cho cán bộ, đảng viên; tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Chủ trì, phối hợp với các ban Trung ương Đảng theo dõi kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban

Bí thư việc kiểm tra kết quả học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và việc thực hiện Chỉ thị 01 của Bộ Chính trị.

Các cơ quan chức năng, trong đó có cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần chủ động phối hợp với các cơ quan đảng, chính quyền các cấp thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo cấp ủy kết quả quán triệt và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII nói chung, quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ nói riêng, ở cấp mình.

2. Nội dung học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định chủ trương đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới để đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống cần tập trung quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đại hội, đồng thời thấy rõ những điểm mới, những điểm bổ sung, phát triển, hoàn thiện so với kỳ đại hội trước và các nghị quyết Trung ương khóa trước. Theo đó, trước hết cần nhận thức rõ những vấn đề then chốt; những vấn đề mà mỗi cấp, mỗi ngành có trách nhiệm tham gia thực hiện; liên hệ những vấn đề đã làm, còn thiếu vấn đề gì và nội dung nào chưa thực hiện được.

Trong nội dung quán triệt quan điểm Đại hội XII của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực cần phân tích để tạo sự thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về quan điểm Nghị quyết Đại hội. Cần nhận thức rõ đây là quan điểm định hướng cho đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo ở nước ta trong những năm tới. Quan điểm chỉ đạo này là kết quả của thành tựu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

qua 30 năm đổi mới lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong công cuộc đổi mới đất nước. Nội dung quan điểm thể hiện sự nhận thức đúng đắn và nhất quán của Đảng ta trong quá trình đổi mới về vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục và đào tạo. Điểm mới trong nội dung quan điểm có ý nghĩa chỉ đạo, định hướng cho đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo là lấy phát triển toàn diện con người làm mục tiêu, động lực của nền giáo dục và đào tạo nước nhà. Nền giáo dục và đào tạo Việt Nam phải góp phần đào tạo nên con người Việt Nam phát triển toàn diện cả về nhân cách, đạo đức, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật.

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực phải hướng đến xây dựng một nền giáo dục *hiện đại, thực học*, đáp ứng yêu cầu đổi mới phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trong học tập, nghiên cứu, quán triệt quan điểm Nghị quyết Đại hội cần tập trung khẳng định những nội dung cơ bản, những bổ sung, phát triển mới trong hệ thống quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực.

Những vấn đề này cần được quan tâm nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện nhằm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Trước hết, cần thống nhất nhận thức về sự đòi hỏi khách quan của đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của những năm tới: Giáo dục, đào tạo cùng với khoa học là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển. Đại hội XI của Đảng đã định hướng

đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ và xác định khâu đột phá chiến lược: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”². Kế thừa và phát triển quan điểm của Đại hội XI, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định những phương hướng, nhiệm vụ lớn là: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đây là quan điểm quan trọng đòi hỏi không chỉ ngành giáo dục mà toàn xã hội cần nhận thức đầy đủ.

Đối với ngành giáo dục, nhất là đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cần nắm chắc quan điểm: Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả. Đây chính là một bước chuyển rất quan trọng về tư duy giáo dục, hướng đến một tư duy giáo dục thật sự vì con người, lấy sự phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới làm mục đích cơ bản, bao trùm xuyên suốt của giáo dục và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo từ trung ương đến các địa phương cần quán triệt đầy đủ quan điểm: Từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ quan điểm của Đảng để tham mưu, đề xuất chủ trương, kế hoạch, lộ trình hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân và mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trên cả nước.

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo cần quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo.

Trong khi tiến hành quán triệt quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần bám sát đặc điểm trình độ nhận thức và nhu cầu cụ thể của mỗi đối tượng học tập. Yêu cầu đặt ra trong việc quán triệt quan điểm của Đại hội là nhằm thống nhất nhận thức, thái độ, niềm tin của cán bộ, nhân dân đối với quan điểm của Đảng về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực ở nước ta. Nội dung quán triệt cần tập trung phân tích, làm rõ sự nhất quán quan điểm của Đảng là coi giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; là nền tảng và động lực đưa đất nước phát triển, sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới. Cùng với tổ chức quán triệt, học tập, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền quan điểm của Đảng về phương hướng, nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực ở nước ta những năm tới nhằm thống nhất nhận thức, thái độ, niềm tin; tạo sự đồng thuận của cán bộ, nhân dân trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài đối với quan điểm của Đảng.

Trong tuyên truyền cần chú trọng định hướng đấu tranh với những quan điểm nhận thức sai trái, lệch lạc, hoặc phủ nhận quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đổi mới không có nghĩa là phủ định sạch trơn những

thành tựu, những yếu tố còn giá trị mà là kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm tốt của dân tộc, tiếp thu tinh hoa giáo dục của nhân loại, lọc bỏ những cái lạc hậu, bổ sung những nội dung mới, cách làm mới để đưa nền giáo dục nước nhà phát triển.

Công tác tuyên truyền cần hướng vào nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với quan điểm của Đảng; phát huy trách nhiệm của các chủ thể, nhất là của đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu khoa học trong đấu tranh chống các thế lực thù địch xuyên tạc quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; đấu tranh với mọi biểu hiện lệch lạc, nhất là những biểu hiện của khuynh hướng thương mại hóa hoạt động giáo dục, đào tạo; khắc phục những hạn chế, yếu kém của giáo dục, đào tạo nước nhà trong những năm qua.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc quán triệt, tuyên truyền quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực. Nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trước hết, cần đổi mới tư duy lý luận về giáo dục và đào tạo; hình thành rõ triết lý giáo dục. Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực phải gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong triển khai thực hiện. Thông qua sinh hoạt của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng để quán triệt tuyên truyền quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo.

Đưa việc quán triệt quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần

thứ XII của Đảng vào nội dung, chương trình học tập lý luận chính trị hằng năm cho các đối tượng cán bộ, đảng viên và quần chúng trong các tổ chức chính trị - xã hội. Qua đó nâng cao nhận thức lý luận cho họ. Việc học tập, nghiên cứu quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo chỉ có thể đạt được kết quả tốt khi việc học tập được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc; gắn việc học tập với sinh hoạt tư tưởng; kiểm tra kết quả học tập quán triệt bằng hình thức thu hoạch, làm bài trắc nghiệm hoặc các hình thức thi tìm hiểu, hỏi đáp. Điều quan trọng là việc quán triệt quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo cần được quán triệt trong đội ngũ những nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Bởi xét cho cùng họ chính là những người có trách nhiệm lớn lao trong việc phổ biến, tuyên truyền và đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

3. Nội dung học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

Quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất trí, đồng thuận với quan điểm của Đảng.

Trước hết thống nhất nhận thức với quan điểm tiếp tục được Đại hội khẳng định là: Giáo dục, đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Kế thừa và phát triển các quan điểm Đại hội XI, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đối với cấp ủy đảng các cấp cần quán triệt thật sâu sắc quan điểm: Phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong

hoạt động của các ngành, các cấp. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư, cơ chế tài chính để giải phóng năng lực sáng tạo, đưa nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ vào hoạt động thực tiễn.

Đối với các cơ quan khoa học, các tổ chức kinh tế, nhất là các doanh nghiệp của Nhà nước, đồng thời cả các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần thống nhất nhận thức quan điểm: Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông. Tăng cường hợp tác về khoa học, công nghệ nhất là công nghệ cao, phải là hướng ưu tiên trong hội nhập quốc tế. Đây cần xác định là một hướng đổi mới tư duy trong hoạt động của các cơ quan, viện nghiên cứu khoa học và của các tổ chức kinh tế tới đây.

Riêng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ cần nắm chắc phương hướng, mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ đã được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ là: Phấn đấu đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trên thế giới³. Trên cơ sở quán triệt, nắm vững mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của Đảng để xác định mục tiêu phát triển lĩnh vực khoa học và công nghệ của cơ quan, đơn vị cho phù hợp với điều kiện cụ thể.

Trong việc quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cần tập trung khẳng định và làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản nói trên, chỉ rõ những bổ sung, phát triển mới và tính tất yếu phải bổ sung, phát triển ấy trong hệ thống quan điểm Đại hội XII của Đảng. Tinh thần cơ bản của quan điểm Nghị quyết là trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, từ người lãnh đạo, quản lý đến các nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, các

thành phần kinh tế, xã hội cần phải thật sự coi khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Quan điểm đó không thể dừng lại trong nhận thức mà phải đi vào nội dung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực tiễn của các ngành, các cấp.

Trong việc học tập, nghiên cứu quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cần chú trọng định hướng đấu tranh với những quan điểm nhận thức sai trái, lệch lạc, hoặc phủ nhận quan điểm của Đảng, phủ nhận những thành tựu khoa học và công nghệ trong những năm đổi mới đất nước. Để phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ không thể phủ định sạch trơn những thành tựu, những yếu tố còn giá trị mà là kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm tốt của nền khoa học đã được xây dựng, tiếp thu những kinh nghiệm hay của các nước để vận dụng phù hợp với trình độ và thực tiễn nền khoa học, công nghệ nước nhà hiện nay.

Công tác tuyên truyền cần hướng vào nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với quan điểm của Đảng; phát huy trách nhiệm của các chủ thể, nhất là của đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái thù địch xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng. Đồng thời phê phán mọi biểu hiện lệch lạc, nhất là những biểu hiện thiếu trung thực, lợi dụng hoạt động khoa học để phát triển quan điểm cá nhân gây phân tâm tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân; gây hoài nghi về sự lãnh đạo của Đảng, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn; đã phải đổ biết bao mồ hôi, xương máu mới giành được; chỉ rõ những nguyên nhân và giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong những năm qua.

Thực hiện tốt dân chủ trong việc quán triệt, tuyên truyền quan điểm của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Bởi lẽ dân chủ là môi trường nuôi dưỡng các giá trị khoa học; thực tiễn cho thấy có dân chủ thì mới có phát minh sáng tạo. Phải có cơ chế mới mở rộng dân chủ và thực hiện dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn. Cần khắc phục các biểu hiện dân chủ hình thức hoặc ngược lại là những biểu hiện “học phiệt” trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Theo đó, phải thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Cán bộ cấp trên phải đối thoại với cấp dưới; cán bộ, đảng viên phải trực tiếp đối thoại với nhân dân để vừa tuyên truyền, động viên, vừa lắng nghe tâm tư nguyện vọng và tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân đối với việc thực hiện quan điểm của Đảng về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

4. Hình thức, phương pháp học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong tình hình mới

Về phương pháp tổ chức học tập, quán triệt

Với tinh thần đổi mới toàn diện, đồng bộ, trong chỉ đạo, tổ chức học tập, quán triệt quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần đổi mới cách thức, phương pháp tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đối tượng.

Đối tượng khác nhau cần có hình thức, phương pháp khác nhau, tùy đối tượng mà có hình thức phù hợp. Đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt, phương pháp tốt nhất là thực hiện phương pháp tự nghiên cứu sâu các nội dung cơ bản, các điểm mới, tăng cường trao đổi, thảo luận cơ sở lý luận và thực tiễn của các quan điểm, giải pháp; từ đó liên hệ thực tiễn và vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế sau khi học tập; tiếp tục tổ chức hình thức hội nghị trực tuyến nhằm bảo đảm, nâng cao chất lượng thông tin, tạo sự đồng bộ, thống nhất từ trên xuống dưới, khắc phục được tình

trạng ở trên làm kỹ - ở dưới làm lướt, đồng thời tiết kiệm thời gian, kinh phí và mở rộng đối tượng tham gia. Còn các đối tượng khác, tùy đặc điểm tình hình cụ thể của đối tượng và địa bàn để chọn hình thức, phương pháp phù hợp. Phải tạo điều kiện thuận lợi nhất để các đối tượng tham gia được nhiều nhất (có thể lồng ghép với các nội dung khác) và trong khoảng thời gian ngắn gọn. Cán bộ, đảng viên cơ sở cần được tổ chức học tập, quán triệt một cách thiết thực, gắn với thực tiễn địa phương, cơ sở để người học nắm vững các luận điểm cơ bản và có khả năng vận dụng vào thực tiễn đời sống, công tác. Có các hình thức tuyên truyền phổ biến phù hợp với đông đảo các tầng lớp nhân dân ở trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế.

Việc tổ chức học tập, quán triệt quan điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần thực hiện nghiêm túc, tích cực, gắn với thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành. Công tác học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ở các cấp cần được cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm thực hiện theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, coi việc học tập, quán triệt là hoạt động chính trị để nâng cao trình độ lý luận, tạo sự thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự đồng thuận cao trong xã hội.

Kết hợp học tập, quán triệt, phổ biến quan điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ với việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết Đại hội, các nghị quyết của Trung ương, thống nhất mục tiêu, nội dung chương trình hành động của đảng bộ mình. Trên cơ sở học tập, thảo luận, nắm vững các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thường xuyên

đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch; uốn nắn những nhận thức lệch lạc; tăng cường phê bình và tự phê bình, đấu tranh với các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng.

Về tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt

Với tinh thần chủ động, tích cực, nghiêm túc, các bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương cơ sở xã, phường, thị trấn cần bám sát kế hoạch của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời bám sát thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để xác định những hình thức tiếp tục học tập, nghiên cứu, quán triệt Văn kiện Đại hội phù hợp đối với từng cấp, bảo đảm nghiêm túc và có hiệu quả. Đối với nội dung quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần xây dựng thành các chuyên đề để tiếp tục học tập nghiên cứu nhưng điểm mới trong Nghị quyết.

Cùng với việc ban hành hướng dẫn học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII theo tinh thần đổi mới, khẩn trương, thiết thực và hiệu quả, cần tiếp tục tổ chức biên soạn, phát hành các tài liệu chuyên sâu để phục vụ học tập, nghiên cứu Nghị quyết Đại hội, tập trung làm rõ những nội dung cơ bản, những điểm mới, phù hợp với từng đối tượng. Đề cao vai trò, trách nhiệm của đồng chí bí thư cấp ủy và lựa chọn các chuyên gia có quan điểm chính trị vững vàng, có năng lực nghiên cứu và am hiểu sâu về lĩnh vực mà Nghị quyết ban hành, truyền đạt những chuyên đề chuyên sâu. Trong tổ chức thực hiện, cần tập trung đi sâu phổ biến những nội dung chính, quan trọng của Nghị quyết; truyền đạt ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề cốt lõi của Nghị quyết; coi trọng phân tích làm rõ những vấn đề mới của Nghị quyết Đại hội đề ra, đồng thời liên hệ với thực tiễn để chứng minh, làm phong phú thêm nội dung của Nghị quyết nhằm thuyết phục người nghe. Đội ngũ chuyên gia cần phải nghiên cứu, học tập và quán triệt đầy đủ và sâu sắc.

Các địa phương cần phối hợp với các trường chính trị, với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục mở các lớp học tập, nghiên cứu nội dung Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cho cán bộ, đảng viên và các tổ chức quần chúng để nghiên cứu, học tập trong toàn xã hội. Đặc biệt là các thường trực cấp ủy, lãnh đạo các ban tuyên giáo, báo cáo viên nòng cốt của các tỉnh ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Trung ương; lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản; lãnh đạo các hội văn học, nghệ thuật, hội khoa học, kỹ thuật và các văn nghệ sĩ, trí thức tiêu biểu; đội ngũ giảng viên lý luận chính trị các học viện, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

Ban Tuyên giáo Trung ương tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương báo cáo về nội dung của văn kiện cho cán bộ chủ chốt của các đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng bộ trực thuộc Trung ương. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân và các hoạt động thông tin đối ngoại về các nội dung cơ bản của các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nói chung, nội dung quan điểm của Đại hội về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ nói riêng nhằm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, kể cả trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

II- ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Thực hiện nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

Đại hội XII của Đảng xác định nhiệm vụ tổng quát của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là: “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước”⁴.

Nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Để triển khai thực hiện quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo trên cơ sở nắm vững những nhiệm vụ mới bổ sung, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ mà Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI đã đề ra. Trong đó, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất năng lực của người học; đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo; hoàn thiện hệ thống giáo dục và đào tạo.

Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo⁵.

Nhiệm vụ, giải pháp phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

Trên cơ sở quán triệt các nhiệm vụ mà Đại hội XII đề ra, cần đẩy mạnh thực hiện những nội dung, giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ mà Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI đã xác định. Trong đó, khâu đột phá là cần đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp đổi

mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ; triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu, phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ⁶.

Đây là những nhiệm vụ, giải pháp chung áp dụng cho phát triển toàn bộ nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của đất nước ở tầm vĩ mô. Đi vào mỗi lĩnh vực cụ thể mỗi cấp, mỗi ngành làm công tác giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cần cụ thể hóa các nhiệm vụ và lựa chọn các giải pháp cho phù hợp với cấp, ngành và địa phương mình.

Các cấp, các ngành cần phải xây dựng chương trình hành động cụ thể, thiết thực và phải kiên quyết thực hiện quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Trong các chương trình hành động, cần có các nội dung biện pháp cụ thể, các tổ chức, lực lượng thực thi, các điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất bảo đảm và phải có lộ trình, bước đi thích hợp.

2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Một là, tăng cường công tác tư tưởng trong tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Để tổ chức tốt việc thực hiện quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, nhanh chóng đưa nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, công tác tư tưởng cần tập trung vào thực hiện tốt việc: “phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội”⁷ theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Tiếp tục nghiên cứu, học tập các quan điểm tư tưởng được trình bày trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư trình bày tại Đại hội; Báo cáo chính trị; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Cấp ủy đảng các cấp, các bộ, ban, ngành, địa phương cần gắn việc nghiên cứu, học tập với chỉ đạo thực hiện chương trình hành động của cấp ủy tổ chức đảng ở địa phương, đơn vị; đánh giá việc học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết. Đổi mới mạnh mẽ cả nội dung và phương thức, bảo đảm phù hợp với từng cấp, từng đối tượng và sự phát triển của thực tiễn.

Đối với cán bộ chủ chốt các cấp từ Trung ương đến cơ sở và đội ngũ chuyên gia cần tiếp tục nghiên cứu sâu những quan điểm cơ bản, tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi, những vấn đề mới của Nghị quyết Đại hội; trong đó chú trọng những nội dung liên quan đến giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ để tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với cán bộ, đảng viên ở cơ sở, tổ chức các lớp học tập, quán triệt tập trung chủ yếu vào phần mục tiêu tổng quát, cả chỉ tiêu quan trọng, các nhiệm vụ, giải pháp, nhất là nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Đối với các cán bộ nghiên cứu, giảng viên và cán bộ theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong các học viện, trường chính trị và trường đào tạo cán bộ của hệ thống chính trị, cần tổ chức học tập, nghiên cứu sâu theo các chuyên đề về những quan điểm cơ bản, tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi, nhất là những vấn đề mới của Nghị quyết Đại hội về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Nâng cao hơn nữa tính khoa học, tính thuyết phục, tính chiến đấu, tính hiệu quả của công tác tư tưởng trong tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Nâng cao tính khoa học của công tác tư tưởng là để giác ngộ sâu sắc lý tưởng cách mạng, giữ vững niềm tin, tạo sự đồng thuận, thống nhất, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động.

Nâng cao tính thuyết phục trong công tác tư tưởng nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tin vào chân lý, vào mục tiêu, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước với những lý lẽ, chứng cứ xác đáng, “thấu tình, đạt lý”. Đó chính là quá trình làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp nhận tích cực vào chân lý, vào mục tiêu, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, từ đó, thay đổi nhận thức, thái độ, biến thành niềm tin, chuyển hóa thành động cơ, ý chí và sẵn sàng hành động.

Nâng cao tính chiến đấu để đấu tranh có hiệu quả, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tính hiệu quả của công tác tư tưởng thể hiện ở so sánh giữa tổng thể các hoạt động, các chi phí vô hình và hữu hình và kết quả thu được. Trong công tác tư tưởng, tính khoa học, tính thuyết phục, tính chiến đấu, tính hiệu quả có mối quan hệ chặt chẽ và biện chứng với nhau. Làm tốt tính khoa học, tính thuyết phục, tính chiến đấu cũng đồng nghĩa với tính hiệu quả của công tác tư tưởng được nâng cao.

Ngày nay, trình độ dân trí ngày càng cao. Nhu cầu tự khẳng định, không muốn bị áp đặt, dù là áp đặt thông tin; muốn độc lập suy nghĩ ngày càng lớn. Với tiến bộ của khoa học kỹ thuật của thời đại thông tin, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, con người có điều kiện tiếp cận và tiếp nhận thông tin nhanh và nhiều, không chấp nhận thông tin một chiều, giản đơn. Do đó, công tác tư tưởng phải đổi mới mạnh mẽ. Cán bộ làm công tác tư tưởng phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, chú trọng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Không ngừng rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, uy tín của người đi giáo dục, thuyết phục; bản lĩnh của chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Thực hành công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền nói riêng trong quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cho đội ngũ giáo viên và đội ngũ các nhà khoa học.

Đội ngũ cán bộ tư tưởng chuyên trách: cán bộ lý luận, giảng viên lý luận chính trị, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, báo chí, văn nghệ sĩ phải quán triệt sâu sắc và kiên định hệ tư tưởng, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng; thực sự có bản lĩnh, có năng lực. Trong tiến hành các hoạt động tư tưởng, đội ngũ cán bộ tư tưởng phải tuyên truyền đúng, phải hay phải có tính chiến đấu cao, tính giáo dục, thuyết phục sâu sắc, có lý, có tình, có sức cổ vũ mạnh mẽ. Cán bộ làm công tác tư tưởng chuyên trách phải thực sự là tấm gương về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống.

Công tác tư tưởng cần tập trung nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; vận dụng đúng đắn quan điểm của Đảng vào phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự chuyển biến các mặt của đời sống xã hội.

Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò nền tảng, động lực, giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Nhận thức về vai trò, vị trí của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong việc phát triển đất nước đã được Đảng, Nhà nước ta nhất quán khẳng định qua nhiều kỳ đại hội cần phải được chuyển thành nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là một trong những điều kiện tiên quyết giúp phát triển kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao chỉ số phát triển con người. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ không chỉ có vai trò quan trọng trên lĩnh vực sản xuất vật chất mà còn là cơ sở để hình thành nền văn hóa tinh thần của xã hội. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có tác động vô cùng to lớn trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, xây dựng nền văn hóa, văn học nghệ thuật, nền khoa học, góp phần cơ bản vào việc hình thành lối sống mới, nhân cách mới của toàn bộ xã hội.

Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã luôn khẳng định giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của Nhà nước, được ưu tiên trước nhất, thậm chí đi trước một bước so với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

Tuy nhiên, cho đến nay, qua 30 năm đổi mới, các nghị quyết về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ dường như vẫn chưa thực sự hóa thân vào đời sống thực tiễn. Vấn đề cơ bản nhất là phải quán triệt, triển khai với quyết tâm chính trị rất lớn của cả hệ thống. Trong đó, vai trò lãnh đạo của Đảng là quyết định. Nghị quyết đã thể hiện ý chí lãnh đạo nhưng chỉ đạo thực hiện thì phải quyết liệt, triệt để.

Đối tượng nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết phải là bí thư, cấp ủy, những người đứng đầu các cấp, các cơ quan, đơn vị, đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên, nhà khoa học, nghiên cứu viên. Xác định việc phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là những nhiệm vụ trọng tâm, là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của cấp ủy đảng và người đứng đầu chính quyền các cấp.

Phải chăm lo công tác đào tạo bồi dưỡng bí thư, cấp ủy và người đứng đầu các cấp, các cơ quan, đơn vị thực sự có trách nhiệm, có tâm huyết và có năng lực trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo làm công tác giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Cán bộ, đảng viên là hạt nhân chính trị của Đảng trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị. Nhận thức, trình độ của cán bộ, đảng viên có ảnh hưởng rất lớn đến vị trí công tác của họ và tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi họ công tác. Do đó, cần phải tiếp tục tổ chức học tập, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức của họ về vai trò, vị trí của giáo dục và đào tạo, của khoa học và công nghệ trong phát triển đất nước. Làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên công tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phải “vừa hồng, vừa chuyên”.

Đối với đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học, nghiên cứu viên, ngoài việc nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của lĩnh vực mình tham gia hoạt động, cần tránh những biểu hiện nhận thức về chuyên môn đơn thuần, chỉ cần tri thức, trình độ

chuyên môn, ít quan tâm hoặc không để ý đến những vấn đề khác, nhất là vấn đề chính trị.

Nói đến vai trò, vị trí của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ không thể không nói đến vai trò, vị thế của đội ngũ nhà giáo, các nhà khoa học, nghiên cứu viên - những trí thức, nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước. Những người làm nghề đó phải thực sự được xã hội tôn vinh và đãi ngộ tương xứng với những cống hiến và vị thế của họ. Cần phải tôn vinh và đãi ngộ thực chất và thiết thực.

Gắn các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành; xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương.

Thường xuyên quán triệt, đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp thông tin về vai trò nền tảng, động lực của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường để lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp nhận thức được cơ hội và thách thức trước các xu thế quốc tế, nhất là xu thế hội nhập và phát triển kinh tế tri thức.

Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, trực tiếp là người đứng đầu trong chỉ đạo, chủ trì việc tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Việc tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trước hết là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, trực tiếp là người đứng đầu trong việc chỉ đạo và chủ trì quán triệt và tổ chức thực hiện. Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, trực tiếp là người đứng đầu

phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, chức trách, nhiệm vụ các cấp ủy, của người đứng đầu để phân vai, phân nhiệm cho từng tổ chức, cá nhân; phối hợp giữa cấp ủy và người đứng đầu, giữa công tác lãnh đạo và hoạt động chuyên môn, làm sao để mỗi tổ chức, mỗi người đều phải có trách nhiệm cụ thể, rõ ràng. Tránh tình trạng trách nhiệm chung chung (thực chất là vô trách nhiệm), chông chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm, dẫn đến đùn đẩy, lảng tránh trách nhiệm.

Để nâng cao trách nhiệm của các chủ thể, ngoài việc phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, cần phải tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cá nhân.

Nâng cao trách nhiệm của các chủ thể là phải quy định rõ phạm vi và thời hạn (thời gian) mà các chủ thể *có và phải* chịu trách nhiệm đối với từng nhiệm vụ, công việc. Nói cách khác, mỗi chủ thể phải chịu trách nhiệm trong phạm vi nào của nhiệm vụ, công việc và phải chịu trách nhiệm trong khoảng thời gian từ đâu đến đâu của nhiệm vụ, công việc đó. Mỗi chủ thể khác nhau thì phạm vi và thời gian có và phải chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ, công việc cũng không giống nhau. Với tư cách là chủ thể lãnh đạo, cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu phải là những chủ thể chịu trách nhiệm cao nhất, toàn diện nhất, triệt để nhất, đồng thời cũng là những chủ thể phải chịu trách nhiệm cuối cùng về toàn bộ hoạt động của tổ chức, cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Việc không phân định rõ phạm vi và thời gian có và phải chịu trách nhiệm đối với mỗi chủ thể, nhiều khi trong xử lý các công việc, nhất là các công việc tồn đọng, kéo dài không thể xác định rõ trách nhiệm thuộc về ai, ai phải chịu trách nhiệm chính. Nâng cao trách nhiệm của các chủ thể là phải làm cho mỗi chủ thể nhận thức rõ và phải kiên quyết làm tròn trách nhiệm đối với nhiệm vụ, công việc mà mình phụ trách; phối hợp với các chủ thể khác để cùng chịu trách nhiệm chung đối với toàn bộ công việc, đối với cơ quan, đơn vị mình.

Để phát huy tính tích cực, chủ động, tài năng và tâm huyết của đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học, giới nghiên cứu, cấp ủy, người đứng đầu phải luôn sát cánh cùng họ, đồng hành cùng họ trên mỗi bước đường học tập, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cấp ủy, người đứng đầu ở các tổ chức, cơ quan nghiên cứu khoa học, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các học viện, nhà trường... còn phải có tâm, tầm, trí. Có trí thì mới có khả năng phát hiện nhân tài; có tâm thì mới thu phục được người hiền; có tầm thì mới sát cánh, đồng hành cùng họ, chấp cánh cho họ bay cao, bay xa trên những chân trời khoa học mới. Như vậy mới có thể phát hiện, khơi dậy và làm tỏa sáng, phát triển và lan rộng tính tích cực, chủ động, trí tuệ và tâm huyết của họ, cái hay, cái tốt nơi họ. Đúng như Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu khóa XI đã khẳng định: “Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ”⁸.

Hai là, cần xác định trách nhiệm và quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nhất là trách nhiệm và quyết tâm của các ngành, các cấp trong việc tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, trực tiếp là Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ là những bộ chủ quản, khởi xướng, chỉ đạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Các cơ quan quản lý nhà nước cần đi tiên phong trong việc đổi mới tổ chức bộ máy và phong cách, hiệu quả làm việc thật sự khoa học.

Nếu không tích cực đổi mới thì không thể thành công. Quyết tâm đổi mới phải được thể hiện trong cung cách quản lý của đơn vị mà một trong những nội dung

quan trọng là thực hiện chức năng tốt tham mưu đề xuất các chủ trương, khơi thông cơ chế chính sách để kiến tạo, thúc đẩy nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ nước nhà phát triển.

Đối với phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở các cấp, các ngành, các địa phương cần tiếp tục hoàn chỉnh một số cơ chế, chủ trương mới, như cơ chế đặt hàng. Cần tuyển chọn, giao nhiệm vụ cho những đơn vị, tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện, sau đó tổ chức đánh giá, nghiệm thu hướng nhiệm vụ khoa học và mục tiêu ứng dụng sát với nhu cầu thực tiễn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII: “Thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu, khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai, minh bạch chi phí, kết quả nghiên cứu”⁹.

Trong kế hoạch thực hiện quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, cần phát huy trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia. Tất cả các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đều phải có địa chỉ cụ thể để tổ chức thực hiện, phối hợp, kiểm tra, giám sát, đánh giá, bảo đảm đúng, đủ, kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra.

Mỗi một nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII trước khi tổ chức thực hiện, căn cứ nội dung nghị quyết, cấp ủy đảng các cấp cần phân công các cơ quan, ban, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương mình thực hiện. Sau khi sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện kế hoạch hành động cho sát với sự phát triển của tình hình thực tiễn.

Mục tiêu của chương trình hành động phải gắn chặt với tình hình nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và

tính khả thi cao. Đối với các địa phương cần tập trung vào những vấn đề đổi mới, kiện toàn tổ chức giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; tăng cường đầu tư nguồn lực cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ; ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ nội dung cần hướng vào xây dựng đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học; đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Đối với các doanh nghiệp, nội dung chương trình hành động cần tập trung ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào đổi mới quản lý; quy trình sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả sản xuất; tạo thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

Trong chương trình hành động cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các chỉ tiêu phấn đấu cho từng mặt công tác, từng lĩnh vực hoạt động giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ. Các cấp lãnh đạo, chính quyền phải thống nhất dự kiến trước chỉ tiêu, phương hướng bổ sung rồi đưa ra hội nghị cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân dân chủ thảo luận góp ý kiến. Cần kịp thời điều chỉnh chương trình, kế hoạch thực hiện cho phù hợp khi tình hình có sự phát triển.

Trong triển khai nội dung chương trình hành động thực hiện Nghị quyết phải thường xuyên bám sát với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị, tập trung vào những vấn đề bức xúc nhất cần giải quyết, xác định được nhiệm vụ và giải pháp thực hiện của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Trong thực hiện chương trình hành động cần quán triệt và thực hiện đúng quan điểm Đại hội XII của Đảng: “Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia”¹⁰.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, cơ chế hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường tự chủ cho các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đổi mới cần phải đồng bộ, tăng cường tự chủ phải đi liền với tăng cường kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Đối với quản lý khoa học và công nghệ, khâu đột phá cần thực hiện tích cực là đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính. Mở rộng xã hội hóa đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vào các ngành sản xuất, kinh doanh. Thực hiện dân chủ trong nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhất là trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

Ba là, đổi mới toàn diện hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý, hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Đổi mới hệ thống quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh giản, tập trung cho xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách; tăng cường năng lực điều phối liên ngành, liên vùng, giảm bớt chức năng tác nghiệp cụ thể.

Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả quản lý của các bộ, ban, ngành địa phương, theo hướng xác định rõ nội dung, trách nhiệm và thẩm quyền quản lý; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách khoa học và công nghệ; hiện đại hóa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ quản lý.

Nghiên cứu ban hành các quy định phục vụ quản lý như quy định về công tác sáng kiến; quy định về chế độ công hiến và đãi ngộ...

Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng hội nhập quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, xây dựng cơ sở để hình thành kinh tế tri thức.

Xây dựng cơ chế tăng cường sự tham gia đóng góp của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp.

Nghiên cứu, điều chỉnh cơ cấu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực trong việc xác định, thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Chú trọng đến cơ cấu các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tập trung hỗ trợ các dự án cải tiến thiết bị, hoàn thiện, đổi mới công nghệ nghiên cứu tạo ra công nghệ có tính tiên tiến để sản xuất ra sản phẩm mới hoặc nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Xây dựng các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia, có mục tiêu đảm bảo tính liên ngành và tạo đột phá về việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng, tiếp thu đổi mới công nghệ, nhất là công nghệ cao nhằm tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Đổi mới các cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ từ hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo; doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ, xây dựng các cơ chế nhằm khuyến khích, hỗ trợ chuyển giao công nghệ hỗ trợ ứng dụng kết quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Có các cơ chế động viên, tôn vinh tài năng trong hoạt động khoa học và công nghệ, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những công trình được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

Nghiên cứu việc áp dụng, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị hoạt động theo hướng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hoạt động theo Nghị định số 15/NĐ-CP về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Gắn kết giữa các cơ quan nghiên cứu với doanh nghiệp trên cơ sở phân chia lợi ích để nâng cao tính thực tiễn theo cơ chế thị trường.

Bốn là, đổi mới phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Các cơ quan quản lý nhà nước, trực tiếp là Bộ Khoa học và Công nghệ cần khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản bảo đảm tốt về cơ sở pháp lý và cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là hoạt động nghiên cứu, ứng dụng. Đổi mới triệt để các quy định hiện hành về dự toán và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Triệt để thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Loại bỏ tư tưởng duy trì cơ chế hành chính kiểu “xin - cho” trong các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập.

Cấp bảo lãnh cho các khoản vay phục vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) ở Việt Nam, đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập thường vay vốn để nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, việc vay vốn từ các tổ chức tài chính là không dễ dàng vì các khoản vay này luôn bị các tổ chức tài chính coi là có tính rủi ro cao, do các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập dễ tổn thương trước các biến động từ thị trường và nền kinh tế. Để hỗ trợ đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập vay vốn đầu tư cải tiến công nghệ, các quỹ đổi mới công nghệ quốc gia cần đưa vào vận hành cơ chế cấp bảo lãnh cho các khoản vay phục vụ R&D. Cơ chế này

cần có một quy trình xét duyệt bảo lãnh đòi hỏi linh hoạt, nhưng phải chính xác, chặt chẽ và được kiểm toán đầy đủ. Nếu không thì việc duyệt bảo lãnh biến thành cơ chế xin - cho tùy hứng, tạo cơ hội cho tham nhũng phát sinh.

Ngược lại, nếu cơ quan duyệt bảo lãnh vì sợ trách nhiệm mà làm việc quá chặt tay, thì các dự án đầu tư R&D dù có triển vọng tốt nhưng trong bản chất tự thân đã có tính mạo hiểm, sẽ không được bảo lãnh, và không huy động được nguồn vốn cần thiết. Hiện nay, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia là phù hợp nhất. Khoản bảo lãnh này có nhiều hình thức, nhưng mục tiêu chung là bảo đảm các tổ chức cho vay thu hồi khoản nợ trong trường hợp người đi vay mất khả năng thanh toán. Nhờ vậy, khuyến khích các tổ chức tài chính cho vay đối với các đơn vị sự nghiệp có dự án triển vọng tốt song không có đủ tài sản thế chấp, hoặc không có hồ sơ tín dụng đầy đặn phù hợp để chứng minh uy tín trả nợ.

Hỗ trợ kinh phí rút ngắn khoảng cách tụt hậu về khoa học và công nghệ. Trong ưu thế phát triển khoa học và công nghệ hiện nay, Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí để các tổ chức khoa học và công nghệ có thể tiến hành khắc phục khoảng cách tụt hậu về khoa học và công nghệ qua ba giai đoạn: Giai đoạn 1: Rút ngắn khoảng cách tụt hậu về sử dụng kết quả khoa học và công nghệ; Giai đoạn 2: Rút ngắn khoảng cách tụt hậu về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; Giai đoạn 3: Rút ngắn khoảng cách tụt hậu về nghiên cứu cơ bản.

Đối với Việt Nam, khi xem xét cơ chế tài chính cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cần chú ý đến kết quả đầu ra và quan tâm tới tác động lan tỏa của đề tài nghiên cứu, kể cả với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản. Cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ cần phải theo phương châm “thà ít mà tốt”. Chỉ có như vậy thì chính sách đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ mới thực sự hiệu quả.

Vấn đề là chính sách, đãi ngộ đối với nhà khoa học. Đãi ngộ không chỉ là về thu nhập, về vật chất, mà còn là môi trường, điều kiện làm việc. Thực tế ở nước ta cho thấy có địa phương cũng đã có chính sách đãi ngộ về kinh phí vật chất khá tốt nhưng không giữ được cán bộ khoa học, có cán bộ khoa học đến rồi lại đi. Để có những nhà khoa học lớn, cần có những nhiệm vụ lớn, đầu tư lớn. Có thiết bị hạ tầng, có nhà khoa học thì phải có nhiệm vụ khoa học tương xứng, tạo điều kiện để nhà khoa học được sáng tạo cống hiến tài năng, tâm huyết cho đất nước. Trên cơ sở đó, nhà khoa học được hưởng sự đãi ngộ tương ứng với giá trị đóng góp của họ. Có như vậy mới thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài một cách bền vững được và phát huy được tài năng của nhà khoa học vào phục vụ Tổ quốc.

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều

đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các ngành, các cấp.

Nhà nước và cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương cần nghiên cứu xây dựng chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng, cán bộ khoa học là những Việt kiều đang nghiên cứu ở các viện, trường đại học ở các nước có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển khoa học nước nhà.

Trong những năm tới, một vấn đề đặt ra trong phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ có chất lượng cao là cần chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học. Trách nhiệm này trước hết thuộc về các nhà giáo, nhà khoa học với tư cách là những người thế hệ đi trước bồi dưỡng thế hệ sau. Đương nhiên ở đây, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cần được thực hiện với những chủ trương, chính sách đúng đắn ở tầm vĩ mô. Song việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài rất cần sự tâm huyết, trách nhiệm xã hội của các nhà giáo, nhà khoa học.

Cần sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ học tập và làm việc ở nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học và công nghệ đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ý nghĩa quốc gia. Thông qua đó, nâng cao trình độ tri thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt Luật sở hữu trí tuệ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tác giả các công trình khoa học và công nghệ; có

chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả có các công trình được công bố quốc tế các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước. Thu hút các nhà khoa học giỏi tham gia nghiên cứu, giảng dạy ở các Viện nghiên cứu, các trường đại học của Việt Nam. Tích cực tạo mọi điều kiện để các nhà khoa học Việt Nam tham gia vào các hoạt động quốc tế.

Để phát triển đội ngũ nhà giáo và đội ngũ nhà khoa học có chất lượng cao đáp ứng sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa, hội nhập quốc tế..., Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp cần đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Cần khắc phục những hạn chế, yếu kém của công tác cán bộ, nhất là trong công tác cán bộ ở một lĩnh vực có tính mô phạm cao như lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ cần tiếp tục nghiên cứu đề xuất tham mưu để Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, các địa phương có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ, đội ngũ nhà giáo trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo.

*

* *

Đại hội XII của Đảng đã vạch ra những quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Những vấn đề này cần được quan tâm nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện nhằm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Học tập, quán triệt quan điểm của Đại hội cần hướng vào thống nhất nhận thức, thái độ, niềm tin của cán bộ, nhân dân đối với quan điểm của Đảng về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ ở nước ta.

Trong tuyên truyền cần chú trọng định hướng đấu tranh với những quan điểm nhận thức sai trái, lệch lạc hoặc phủ nhận quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Đổi mới không có nghĩa là phủ định sạch trơn những thành tựu, những yếu tố còn giá trị mà là kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm tốt của dân tộc, tiếp thu tinh hoa giáo dục của nhân loại, loại bỏ những cái lạc hậu, bổ sung những nội dung mới, cách làm mới để đưa nền giáo dục, khoa học nước nhà phát triển.

Trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành trong triển khai tổ chức thực hiện. Tích cực triển khai xây dựng chương trình hành động thực hiện quan điểm Đại hội XII của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Trong triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết cần phát huy trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học - những người giữ vai trò chủ thể quyết định trực tiếp nhất đến chất lượng, hiệu quả đổi mới giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã vạch ra.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.443.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.106.
3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.119-120.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.77.
5. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013.
6. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2012.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.436.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, tr.78.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.298.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.297.

KẾT LUẬN

Trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ có vị trí, vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nguồn lực trí tuệ trong nguồn lực phát triển của đất nước. Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Quan điểm Đại hội XII của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là kết quả vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; truyền thống văn hiến của dân tộc Việt Nam. Quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ còn là kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn qua 30 năm đổi mới đất nước của Đảng; tiếp thu kinh nghiệm lịch sử thành tựu giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại của các nước trên thế giới và khu vực. Từ thực tiễn đổi mới đất nước và kinh nghiệm của các nước trên thế giới và kết quả nghiên cứu lý luận, Đại hội XII của Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển các quan điểm về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Nội dung quan điểm Đại hội XII của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ đã nêu rõ những thành tựu quan trọng của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đồng thời, Đại hội XII của Đảng cũng chỉ ra nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ nước nhà chưa phát triển ngang tầm với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ

mới, đã và đang còn nhiều vấn đề bất cập cần được quan tâm giải quyết. Để hiện thực hóa chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong những năm tới theo tinh thần Đại hội XII của Đảng, vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cần được nhận thức đầy đủ hơn nữa về vị trí vai trò là quốc sách hàng đầu, là động lực của phát triển kinh tế - xã hội. Tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đại hội XII về phát triển giáo dục và đào tạo là thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện lĩnh vực này. Đây là đòi hỏi khách quan của nền giáo dục nước nhà trong tiến trình đẩy mạnh đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh phát triển khoa học và công nghệ phải trở thành nội dung trước tiên trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp. Đây chính là phương thức để giải quyết mâu thuẫn của sự phát triển nhanh và bền vững.

Trong tình hình mới, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế, nhiều cơ hội mới mở ra, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Để hội nhập và phát triển, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội XII của Đảng đề ra. Để đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết Đại hội, khẩn trương, sáng tạo tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Công tác tuyên truyền cần hướng vào nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với quan điểm của Đảng. Đồng thời, phát huy cao độ nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là vai trò, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và

đào tạo, khoa học và công nghệ. Coi trọng phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, tập 4, 23, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 4, 41, 47, Nxb. Tiến bộ. Mátxcova, 1981.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1999-2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2012.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1996-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
10. Chu Ngọc Anh: "Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng", Tạp chí Cộng sản, số 5, 2016.

11. Ban Khoa giáo Trung ương: *Các văn bản của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ 1981-2001*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
12. Ban Khoa giáo Trung ương: *Một số văn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác khoa giáo*, Phần Giáo dục - đào tạo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
13. Ban Khoa giáo Trung ương: *Một số văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác khoa giáo*, Phần khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ, công tác trí thức, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
14. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
17. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu Hỏi - đáp các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
18. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo tiến sĩ trong các cơ sở đào tạo sau đại học*, Hà Nội, 2009.
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế quốc dân: *Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010 và định hướng phát triển 5*

năm 2011-2015 của các trường đại học khối kinh tế, quản trị kinh doanh, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2010.

21. Bộ Khoa học và Công nghệ: *Kỷ yếu Hội nghị “Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế xã hội”*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2010

22. Bộ Khoa học và Công nghệ: *Kỷ yếu Hội nghị “Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ 2001-2010”, đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ 2006-2010 và định hướng nhiệm vụ 2011-2015*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2010.

23. Bộ Quốc phòng: *Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.

24. Bộ Quốc phòng: *Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quân đội giai đoạn 2010-2020*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.

25. Hoàng Chí Bảo: “Giáo dục giá trị bền vững trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Triết học*, số 2-2016.

26. Nguyễn Mạnh Cầm: *Đổi mới và phát triển giáo dục hướng tới xây dựng nước trở thành xã hội học tập*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2013.

27. Vương Dật Châu: *An ninh thế giới trong thời đại toàn cầu hóa* (bản dịch từ tiếng Trung Quốc), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

28. Phạm Tất Dong: *Khuyến tài*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2003.

29. Phạm Văn Đồng: *Về vấn đề giáo dục và đào tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

30. Trần Khánh Đức: *Sự phát triển các quan điểm giáo dục*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

31. Phạm Văn Đức: “Phát triển khoa học và công nghệ - chìa khóa thực hiện chiến lược phát triển nhanh và bền vững ở nước ta”, Tạp chí Triết học, số 6, 2012.
32. Phạm Minh Hạc: *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
33. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 3, 4, 8, 9, 10, 11, 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
34. Học viện Chính trị: *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhà trường quân đội hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011.
35. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Phát triển khoa học và công nghệ - một số kinh nghiệm của thế giới*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012.
36. Nguyễn Thị Như Hà: “Quan điểm của Đảng về khoa học và công nghệ”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 5, 2014.
37. Nguyễn Như Hải: *Tương tác khoa học*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2013.
38. Trần Ngọc Hiền: “Mấy ý kiến về chính sách khoa học và công nghệ ở Việt Nam”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 5, 2014.
39. Vũ Văn Hiền: “Bức tranh thế giới đương đại”, Tạp chí Cộng sản, số 1, 2012.
40. Trần Đắc Hiến: “Để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt của sự phát triển kinh tế - xã hội”, Tạp chí Triết học, số 6, 2012.
41. Đinh Thế Huynh: *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
42. Vũ Khoan: “Những việc cần làm ngay để đưa Nghị quyết Đại hội XII vào cuộc sống”, Tạp chí Cộng sản, số 3, 2016.

43. Lê Văn Liêm: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nội hàm cơ bản và đặc trưng chủ yếu”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 12, 2014.
44. Phạm Văn Linh: *Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam: Thời cơ, thách thức và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2014.
45. Phạm Văn Linh (Chủ biên): *Định hướng chiến lược, giải pháp đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
46. Phạm Vũ Luận: “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, số 11, 2013.
47. GS.TS. Phùng Hữu Phú và PGS.TSKH. Nguyễn Văn Đăng, PGS TS. Nguyễn Viết Thông: *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
48. GS.TS Phùng Hữu Phú, PGS.TSKH. Nguyễn Văn Đăng, PGS.TS. Nguyễn Viết Thông: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
49. Quân ủy Trung ương: *Nghị quyết về công tác giáo dục và đào tạo trong tình hình mới*, Hà Nội, 2007.
50. Nguyễn Quân: “Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững”, Tạp chí Cộng sản, số 10, 2011.
51. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Luật Giáo dục*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
52. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Luật Khoa học và công nghệ*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2013.

53. Nguyễn Duy Quý: “Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, và giáo dục đào tạo ở Học viện Chính trị quân sự”, Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự, số 5, 2001.
54. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên): *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
55. Ngô Ngọc Thắng: “Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của khoa học đối với sự phát triển kinh tế - xã hội”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 11, 2007.
56. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
57. Tổng cục Chính trị: *Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên khoa học xã hội và nhân văn trong quân đội giai đoạn hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
58. Phạm Thị Ngọc Tâm: “Quan điểm khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của Các Mác và vấn đề phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Triết học, số 8-2008.
59. Đỗ Thế Tùng: “Mối quan hệ khăng khít giữa nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin”, Tạp chí Thông tin lý luận, số 9, 1999.
60. Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
61. Viện Phát triển giáo dục: *Từ chiến lược phát triển giáo dục đến chính sách phát triển nguồn nhân lực*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.

62. Thomas Friedman: *Thế giới phẳng, tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.